

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|------------------|
| ✗ — Chỉ, gan và thời cơ | VŨ ĐÌNH HÒE ✗ |
| — Vài điều nhận thức về Quy-
luật sử học và xã hội học | THANH TUYỀN |
| — Tư tưởng xã hội học hiện đại :
Học phái địa dư | A. A. dịch |
| — Nghề chăn nuôi trâu bò ở
xứ ta | NGHIÊM XUÂN YÊM |
| — Chung quanh chuyện Nguyễn
Du và dân Nghệ-tĩnh | NGUYỄN THIỆU LÂU |
| — Khỏi thuốc lá (truyện ngắn,
tiếp theo) | NHƯ HÀ dịch |
| — Gia-đình và giáo-dục : Địa vị
người dân bà ở Ấn-Độ | TRỌNG ĐỨC |
| — Những bước đi ngang (truyện
dài) | ĐỖ ĐỨC THU |
| — Việc quốc tế | B. Đ. Đ. |

NĂM THỨ TƯ : SỐ 70 — NGÀY 17 JUIN 1944

Chí, gan và thời cơ

VŨ ĐÌNH HÒE

... Sức mạnh tinh thần của một dân tộc là ĐOÀN-KẾT và HI-SINH dưới sự thống trị của một CHỈ HƯỚNG duy-nhất.

Nhưng tổ-chức được sức mạnh ấy không phải là chuyện dễ. Phải có phương-tiện và số người. Phương-tiện to lớn, triệt để. Người cầm đầu đã tri đường và đồng tin cậy.

Riêng cho những dân tộc bé mọn kia, thật là một việc vô cùng khó khăn, và cũng nguy hiểm, nếu không là vạn nan, nhất là khi dân tộc ấy tới nhà vốn không sẵn có một tổ-chức gì, và những kẻ muốn hoạt động lại hoàn toàn mới, trong có một việc và đối với bọn đồng-loại.

Tuy nhiên người ta vẫn có thể hi vọng. Phải tin như thế. Và phải tìm một lối tổ-chức hợp với tình-thế.

Hãy nói lấy cái CHỈ. Bắt đầu ở tầng cá nhân, và từag đoàn thể rời rạc. Nếu trong mọi hành vi, thường nhật và công nhiên : đi buôn, đi cấy, đi học, viết sách, làm báo, luyện tập thể thao, thực hành một công cuộc từ thiện hay xã hội, mỗi cá nhân, mỗi đoàn thể đều nuôi cái chí hoạt động một nửa vì công việc riêng một nửa vì « Nghĩa cả » là gây cái sức mạnh tinh-thần chung để chứng tỏ sức mạnh ấy trong cuộc thanh toán sau này, — thì tuy hiện nay làm những công việc rất khác nhau, ở những đoàn thể rất khác nhau mà người ta vẫn cùng chung một lý nguyện, kháng khí một mối đồng tâm và âm thầm cộng tác. Trên bàn cờ, « xe liên pháo cưỡi, mã nhát, tương điền » mỗi quân có một lối đi riêng, nhưng đều theo mệnh lệnh của một Chỉ-hướng. Và dù khoác áo đỏ hay áo vàng, áo xanh hay áo trắng, màu sắc có quan hệ gì, khi cứu cánh chỉ là một. Lúc cần đến, chỉ việc trút bỏ cái áo ngoài, là sẵn mối đồng tâm, sẵn một lý nguyện sự Đoàn Kết sẽ không còn là một chuyện vạn nan vậy.

Lúc cần đến ? Lúc nào ? Đó là việc giới. THỜI-CƠ là một động-lực quan-trọng. Ván-mệnh treo ở sợi tóc ấy. Dự đoán được dịp lớn, trông thấy khi nó đến, không bỏ lỡ khi đã sửa soạn kịp, đó là việc người. Nhưng dịp lớn khi ông đến, hay đến sớm quá hoặc muộn quá, đó là việc của giới đất.

Cho nên lại phải GAN để chờ dịp. Và giữ vững Chí trong khi chờ. Gan để, mặc dầu những làm than, nếu có phải lỡ dịp hay thất-bại, vẫn vững tâm đợi chờ dịp khác.

Không lo không gáp dịp. Chỉ sợ không có Chí và không Gan. Vạn không có thì may mãi cho người mà rủi mãi cho mình. Thời cơ phải thay đổi vì nó không thuộc thể-lực ai, mà chỉ theo cái luật tự nhiên ; biến hóa không ngừng. Trái lại Chí và Gan, ở trong quyền sở hữu của ta, có thể bền vững như sắt đá.

VŨ ĐÌNH HÒE

QUY-LUẬT SỬ HỌC VÀ XÃ HỘI HỌC = THANH TUYEN

Quan điểm khoa-học trong lịch-sử, và xã-hội học là một khái niệm mới nhập-liệt vào học thuật nước ta trong vòng vài ba mươi năm nay. Xưa kia, giải thích sử-sự, các nhà sử-học nước ta chỉ thấy vận dụng những khái niệm của tư tưởng truyền thống như là « thiên ý » là « thể đạo » là « thời thế » là « vận hội ». . . v. v. Nghĩa là những câu sáo rỗng tuếch, gì cũng giảng được mà cũng chẳng giảng được gì sất ! Theo ý họ thì lịch-sử chỉ là một câu chuyện « tuần hoàn » một vấn đề « thời vận ». Bàn đến tình-hình một nước thì « thịnh, mãi rồi phải có ngày suy, suy mãi rồi lại có khi thịnh ».

Nói đến đại-thế thiên hạ cũng vậy. « Hợp chán rồi phải chia rẽ, chia rẽ chán rồi tự nhiên phải hợp. Vậy nên: thịnh, suy, phân, hợp chỉ là một cuộc xoay vần trên bàn « thiên-địa vận » và « Kể chủ-trương » trong lịch sử nếu không phải là giới, là thần-minh, thì cũng chỉ là một sự ngẫu nhiên mà thôi.

Lối lý luận đó, lẽ dĩ nhiên, là không thể thừa nhận được tích-cách « có quy luật » của sử-sự. Kể ra quan-điểm truyền thống đó cũng có ý nghĩa lịch-sử, và chính trị của nó. Nhưng chúng ta cũng biết rằng : ngày nay sử-học nước ta cũng đã vượt qua hẳn cái lối lập luận phản khoa-học ấy rồi.

Tuy vậy trong lúc các nhà « tuần-hoàn luận » vừa cáo lão về vườn, thì một tư-tưởng mới lại nảy lên và cũng nói những giọng khoa-học để mà phản đối với tình cách quy-luật — nghĩa là tình cách khoa-học — của lịch-sử học, và xã hội học.

Hiện giờ — không những ở nước ta mà thôi, nhiều nhà học giả vẫn chờ trơ trơ.

Sử học không phải là khoa học. Số là mục-dịch khoa học không phải chỉ là nghiên cứu hiện-tượng

mà thôi ; Khoa học còn phải tìm ra những pháp tắc nhất định giữa các hiện tượng, và đem pháp-tắc đó mà ứng dụng vào công cuộc thực hành nữa. Vậy sử-học, xã-hội học đã thỏa-mãn được hai điều kiện đó — căn cứ vào hiện-tượng tìm ra quy-luật, áp dụng quy luật vào công cuộc thực hành — của Khoa học hay chưa ? — Vẫn biết rằng : ta có thể đem các công việc xã-hội làm đối tượng nghiên cứu ; nhưng nói rằng : căn cứ vào bấy nhiêu hiện tượng, trong cuộc biến-thiên của thế giới, của loài người cũng có thể tìm được những quy luật để giải thích các sự-rạng lịch-sử và để vạch rõ đường quỹ-đạo cho các công cuộc thực tiễn của xã-hội sau này thì quyết không thể được. Vì hai lẽ .

Một là trong lĩnh vực của các hiện-tượng xã-hội bao giờ cũng có ý chí của người tham dự vào. Mà ý chí của loài người là một câu chuyện chủ quan. Ý-chí của người đối với sự thay đổi trong đời sống xã-hội rất là quan trọng. Không phải như ở trong vật giới là một lĩnh vực của sự biến-hóa sự vận-động chỉ có tình cách cơ-giới, tự động, ý muốn của ta không hề thêm, bớt sửa đổi được. Bởi vậy chỉ một sự can thiệp của ý muốn chủ quan trong đời sống cộng đồng cũng đủ phá hỏng cái quy-luật-tĩnh của các hiện - tượng lịch-sử. Và công cuộc biến thiên trong sự phát triển của một xã-hội loài người, của thế giới loài người cũng không có thể « hợp pháp ».

Hai nữa, dầu có quy luật thì quy-luật đó cũng chỉ là quy-luật « một-thời » không phải là quy-luật vĩnh-viễn. Nhưng một quy-luật đã không có tình cách trường kỳ thì nó sẽ . . . ra cái gì ? Nó quyết không phải là một quy-luật Khoa-học nữa rồi ! Không nên quên rằng : « Quy-luật là sự quan

hệ trường tại và bất khả di dịch giữa các sự vật. (1)

Đại khái lý luận của các nhà hoài-nghi với quan điểm sử-học khoa-học là thế

Trong bài này, chúng tôi cố ý phê-bình quan điểm của phái phủ-định, phái hoài-nghi trên đây Vấn đề đề-khởi ra đây là :

Sử-học và nói rộng ra xã-hội học có thể có những quy-luật nhất định hay không ? Và nếu như có, thì quy-luật xã-hội khoa-học cũng quy luật thiên-nhiên khoa-học có khác nhau về phần nhận-thức và áp dụng hay không ?

* * *

Trước hết phải nói ngay rằng quan điểm khoa học trong sử học và xã hội học cũng không hề phủ-nhận công dụng và địa vị của ý-chí loài người trong lịch-sử, trong các hiện-tượng xã-hội. Nhận rằng : xã-hội là xã hội của loài người, tức là nhận sự tồn tại của ý chí loài người trong công cuộc gây dựng và biến-hóa của lịch sử. Ý-chí loài người là một hiện tượng tồn tại. Một mặt nữa, chủ tri rằng mục-dịch sử-học và xã-hội học là để nghiên cứu hiện-tượng xã-hội, nhưng cũng là cốt tìm phương pháp cải thiện đời sống của nhân-quần, của dân tộc tức là nói rằng : trong lịch trình tiến-hóa, ý chí loài người vẫn có công dụng tích-cực.

Tuy vậy quan điểm khoa học của sử-học và xã-hội học cũng nhận thấy rằng : không phải là vì sự can thiệp của ý muốn loài người mà các hiện tượng xã hội sẽ không có một may may quy-luật-nhất nào hết. Những sự biến-thiên giữa cõi người vẫn có quy-tắc. Giữa các sự vật, giữa thế-hệ và quá-trình của lịch-sử vẫn có những lẽ tất nhiên. Sử-sự hiện-tượng xã-hội không phải là chỉ do một lực lượng nào ở bên ngoài (như là một vị siêu-nhân một đấng thần thánh) chủ trương và quyết định. Một dân-tộc, một quốc gia sở dĩ lâm vào tình cảnh diệt vong, không phải là « mệnh giới khiến phải như thế » mà chính là trong nước ấy, dân tộc ấy đã có những nguyên-nhân về chính-trị, kinh tế, binh-bị để gây nên một thế-ấy. Lúc sự mâu-thuẫn trong nội bộ một hình-thái xã-hội đã đến một trình độ gay gắt, là giai tầng xã-hội đó

đã bước vào thời kỳ phân-hóa, (décomposition) Một thí dụ nữa : chế độ thủ công nghiệp thế nào cũng phải nhường chỗ cho quy mô đại cơ khí.... Bấy nhiêu quy luật đều là những đường lối tất nhiên trên lịch-trình phát-triển của xã-hội, những sự trập-thể nào cũng xảy ra, mặc dầu ý chí ta có muốn hay không muốn. Oai-quyền, ý chí cả một giai cấp phong kiến đời Trung-Lô không có thể áp đảo lực-lượng của bọn thị-dân tàn tiếu ; cũng như cái cánh cối xay gió của bác Coriulle trong « Les Lettres de mon Moulin » không hề cản trở được sự tiến hành của mấy chiếc cối xay máy trên sông Rhône. Dầu ta có tiếc số « thi vị » của đời sống đơn giản ngày xưa, dầu ta có ghê tởm với thứ bột của « sức ma quỷ » xay ra kia, thì sự thế cũng vẫn đến thế.

Tồn-tại trong lĩnh-vực khác quan quy-luật xã-hội không có thể sửa đổi tùy thời, tùy ý-nguyện của chủ-quan chúng ta. Trái lại, chính những quy-luật đó đã ảnh-hưởng đến ý thức của cá-nhân và lại cơ thể quyết định cả lẽ lối sinh hoạt của xã hội nữa. Trong một hình-thái xã-hội, trên những cơ sở kinh-tế nhất định bao giờ cũng có những pháp-luật, chính- trị, luân-lý, văn-học,... những ý thức hình-thái (formes idéologiques) đặc biệt cho giai tầng thời-giới, Các nhà thảo luận gotinques, học thuật kinh-vực (La science économique) ; tôn giáo chiêm-traih lịch sử phần là sản phẩm của xã-hội tư bản. Xã hội tư bản sẽ sản xuất một văn hóa khác : như là văn-học và nghệ-thuật lãng-mạn nay và châu, biểu hiện Lay ăn tượng, như ngọn sóng đảo Suz hay Panama, như nhà ba-quê, như công xưởng đại kỹ-nghệ và tàu bay, tàu lặn, và hơi ngạt, xe tank, như các cuộc thám hiểm như chinh phục ảnh thực dân, như chiến tranh dân tộc... v. v. Với thế kỷ thứ XX chúng ta ngày nay, một nền văn hóa mới đã bắt đầu thành hình trong những xu hướng máy khổng-lô (les Géants, với chữ G hoa) trong nền văn-học đại chúng, trong các công cuộc tập-lễ sáng-tác, trong những ngọn sóng đảo đã làm cho « gọi nước « năm mặt bể » lưu thông cùng nhau. (1)

1) Theo văn danh ngôn của Montesquieu (1689—1755) tác giả tập L'Esprit des Loix (Hiến-pháp tinh-lý) : La loi c'est le rapport constant et nécessaire entre les choses.

(1) Về mấy ngọn sóng đảo từ cửa sông Dniepr lên miền tây bắc nước Nga, Maurice Percheron viết trong một số đặc san về 1926 của tờ « Documents » « Pour un réseau de canaux et de feux aménagés le Dniepr vers le golfe du Mexique, la Caspienne, la mer d'Azov, la Baltique et la mer Blanche, sing. mers »

không phải là chỉ nằm trong một hình thể (bộ động mạt cơ); nó vẫn có thể biểu hiện ra bằng +phản động- tác động và phản động (actious, réactions). Hơn nữa, nếu không có ý chí loài người, thậm chí, thì các hiện tượng xã-hội cũng không thể phát sinh được. Và lại chính sự nhận thức của con người quy luật xã-hội mà người ta đã thoát khỏi sự lệ thuộc của những tình-tình bất lợi. Vì vậy, nếu người ta lại có thể tìm ra phương pháp để sửa đổi sự sinh hoạt, hoặc gây động lực để điều kiện mới để tương tác cộng tác vào dòng xã hội theo một mục đích hay. Là cố nhiên là sức hoạt động của người ở đây chỉ có thể thành công trong đường quỹ đạo của quy luật tiến hóa.

Chúng ta thấy rằng: sự can thiệp của ý chí loài người để ngăn cản sự tiến tại của quy luật xã-hội, và cũng không xóa bỏ được công dụng của quy luật xã-hội, và xã-hội học. Nhưng có thể vì vậy mà nói rằng: các hiện tượng xã-hội và lịch sử chỉ có những quy luật tạm-thời, mà các hiện tượng thiên-nhiên thì có những quy luật vĩnh viễn, trường tồn, hay không? Không hẳn thế. Là vì một quy luật khoa học cũng chỉ có ý nghĩa, và chỉ có thể vận dụng trong những điều-kiện, những hoàn cảnh nhất định của không gian và thời gian mà thôi. Nên hoàn cảnh thay đổi, nếu điều kiện sai-suyễn thì định-lệ khoa học tự-nhiên cũng mất hẳn ý nghĩa, và cũng biến mất, như các quy luật vật lý học về thể lỏng hay thể hơi, thể rắn bao giờ cũng phải thông thuộc với nhiệt độ của hoàn cảnh với áp lực của không khí. Trật-tự khi hậu theo mùa xuân, hạ, thu, đông ở ôn-đới và nhiệt đới, ở xích đạo và lưỡng-cực cũng không có những công dụng vĩnh-viễn « bất khả di-diệt ». Một mặt nữa, nếu như ta nhận rõ ý nghĩa của điều-kiện, của hoàn cảnh, trong sự tiến tại các quy luật lịch sử, thì nói rằng: « quy luật thép » của xã-hội học cũng không có gì là bất biến. Ví dụ như, ta thấy rằng: chế độ tư bản thế nào, cũng đi đến tình thế khủng-khủng - khoáng, chính sách đế-quốc thế nào cũng gây nên chiến tranh, ... v. v.

Tuy vậy, vì có sự tham dự của ý chí loài người, trong các hiện tượng xã-hội, nên trong lúc nhận thức và áp dụng quy luật xã-hội, và xã-hội học,

chúng ta phải luôn luôn chú ý đến đặc tính của các quy luật đó.

Ý-chí loài người vẫn có công-dụng cố-địa-vị quan trọng trên lịch-sử tiến-hóa của xã-hội. Nhưng một đặc tính của ý chí là bao giờ nó cũng nhằm một mục đích nhất định để mà đi tới, và luôn luôn nó muốn lý-giải, muốn hợp-lý-hóa sự hoạt động của giống người. Bởi vậy, mục đích muốn gây nên hiện tượng xã-hội là một đặc tính của quy luật xã-hội. Trong anh vực thiên nhiên, sự can thiệp, sự khống chế của ý người cũng chỉ là khuyến-truông, là phát dẫn, là lợi dụng những quy luật của các hiện tượng mà thôi. Ý chí người không có thể dự định một đường-quỹ đạo đã ép xuống trên sự tiến hóa xã-hội. Tự thân nó hiện-tượng xã-hội không hề, chiếm đến mục đích của nhà kỹ-sách. Còn như hiện tượng xã-hội thì lại khác. Bao giờ nó cũng phải sinh khởi những khái niệm có ý thức của loài người. Người là một giống động vật mà sự hoạt động bao giờ cũng có mục đích nhất-định, « geste gratuit », — tức chỉ « không có » là đặc-quyền của những « người nhà-giới » như, le Millionnaire trong một tập « Soliers » của André Gide chẳng hạn. Và vì thế, cử động của bản năng, chỉ là một trạng thái hoạt động của các giới vật. Lực lượng các hiện tượng thiên-nhiên là những « sức dai dẳng », vô-ý-thức. Sự chi phối lẫn nhau, động-lực và phản động lực — của nội bộ các sự biến chuyển trong vật giới chỉ tiến hành theo đường lối cơ-giới. Ý thức loài người bao giờ cũng có ý-nghĩa, có mục đích, không phải là hoàn toàn dai dẳng, thụ-động. Và chính sự thực tiễn của giống người trong những điều-kiện lịch sử mới có thể gây dựng nên các hiện tượng xã-hội và các quy luật chi-phối các hiện tượng đó.

Trong lúc gây nên những điều kiện sinh hoạt, công-việc thực tiễn của giống người cũng có thể sửa đổi quy luật lịch-sử. Chẳng hạn như: sau khi những mối quan-hệ giữa quy-mô sinh sản, và phân-quan đã bị biến chuyển, bị thủ-tiên, và sau lúc nhờ sự kinh-nghiệm của thực-tế, rồi sự nhận thức về quy luật lịch sử, xã-hội, đã lên đến một trình độ cao, thì loài người cũng đã nắm được những kiến thức chắc chắn, để mà cải tạo xã-hội (không phải là muốn thay đổi thế nào cũng

(Xem tiếp trang 26)

HỌC PHẢI ĐỊA DƯ

A. A. dịch

(Tiếp theo)

A Nguyên tố địa dư và sự phong phú. — Có nhiều thuyết nói về ảnh hưởng của địa dư đối với nền kinh tế. Một phái chủ trương rằng nguyên tố địa dư hạn định hầu hết số lượng của cái nhất là ở những thời kỳ sơ khai của xã hội. « Trong những sự cấu tạo của thủy thổ một nơi, thì cái quan trọng nhất là của cái . Lịch sử của cái trong những thời kỳ sơ khai hoàn toàn phụ thuộc vào thủy thổ » (Buckle, H. T. *Introduction to the history of civilisation of England*, bản mới do J. M. Robertson duyệt lại, tr. 24 — 28 và ch. II, London).

Nguyên cốt thuyết của Buckle là thế. Cháo chán rằng thuyết ấy có một phần đúng. Nhưng chỉ một phần thôi. Cháo kể những xã hội vầu mình phúc tạp, chỉ nói xã hội sơ khai, thuyết ấy cũng nhiều khi không đúng. Lễ thứ nhất : của cái không phải là một tình trạng, nhưng chính là một hiện tượng nó biến cái theo tình thế xã hội. Những sản phẩm của địa dư được thành của cái một phần tại bản chất của nó nhưng cũng một phần tại tình cách của xã hội. Dầu hỏa, dầu xăng, cả như than, sắt hay là những thác nước không có giá trị gì đối với một xã hội không biết công dụng của nó. Một địa vực nhiều thứ ấy không có lợi gì cho một dân tộc chỉ biết săn bắn và cấy cấy thôi ; mà trái lại là một nguồn phong phú cho một xã hội kỹ nghệ ngày nay. Cũng một khu sở địa dư, hiểu biết lợi dụng thì có giá trị, không biết lợi dụng thì không có ích gì ; và trái lại, nhiều khu sở địa dư khác nhau có thể cũng có một giá trị giống nhau đối với xã hội khác nhau. Nghĩa là không có một khu sở địa dư nào có thể tự tạo lấy một giá trị mà không nhờ đến tình cách của xã hội. Vì thế cho nên thuyết của Buckle cần phải được đặt lại. Lễ thứ hai : nói rằng những văn minh cổ đại phong phú nhất và đặc sắc nhất đều phát khởi ở những khu sở có

địa lợi, thì thế vị tất đã đúng. Nguyên tố địa dư ở Sparte, Athènes và cả như Egypte nữa không thể gọi là cực điểm phong phú được. Giả thử không có nhân công tu tạo thì những khu sở ấy đáng lẽ là « nghèo ». Tuy thế mà những nơi ấy đã sản xuất và tích trữ rất nhiều của cải. Ngược lại, như ở Mỹ châu nhiều địa lợi thiên nhiên như thế mà thổ dân ở đó, lúc họ rời Âu chưa sang, có của cải gì đâu. — Lễ thứ ba : bảo rằng những dân tộc sơ khai cùng ở một khu sở thì cùng một tình độ kinh tế, nói thế cũng là sai. Nhiều học giả trong đó có R. H. Lowie et R. Thurnwald đã lấy thí dụ của bọn thổ dân Hopis và Navajos và nhiều bộ lạc khác để chứng minh rằng thuyết ấy không đúng (Lowie R. H. *Culture and Ethnology* tr. 48 s. N Y 1917; và cùng Pháp văn. *Manuel d'anthropologie culturelle* (Payot Paris) ; Thurnwald, R. *Die Gestaltung der Wirtschaftsentwicklung aus ihren Anfänge heraus* trong quyển : *Erinnerungsgabe für Max Weber* tập I tr. 273 — 336 Munich 1923.). Lễ thứ tư : thuyết ấy không biện minh được trình độ phong phú của một xã hội quân phàn theo nhân khẩu, và những bước thịnh suy của những dân tộc cũng ở một khu sở. Những nguồn lợi thiên nhiên của nước Nga kể ra thì phong phú chẳng kém gì các nước khác, nhưng của cải của mỗi nhân khẩu thì rất ít. Dân Ấn và dân Mỹ cũng ở một khu sở, thế mà trước kia dân Ấn nghèo, dân Mỹ giàu mà bây giờ thì cả hai dân tộc cũng giàu. Brunhes đã đem nhiều thí dụ chứng minh rằng nhiều dân tộc tuy ở một khu sở thiên nhiên bất lợi mà có một nền kinh tế phong phú thịnh vượng vô cùng. Và có khi lại trái lại. (Brunhes sách kể trên ch. VIII và tr. 593 s.). Những lễ ấy đủ chứng tỏ rằng những thuyết này hẹp hòi quá. Các thuyết ấy có một phần đúng, là ở trong một xã hội, địa lợi, lễ cổ nhân vẫn có quan hệ đến nền thịnh vượng, nhưng địa lợi chỉ là một nguyên

thời, và nguyên-tố ấy cũng không quan trọng gì hơn những nguyên-tố khác (nguồn gốc nhằm lẫn của học thuyết địa dư là ở chỗ học phái ấy không chịu công nhận ảnh hưởng của hoàn cảnh xã hội và những sự di động di chuyển của người in.* Buckle, trong đoạn chú thích trang 22, không công nhận sự di động ấy, ý kiến của ông có thể tiêu biểu cả cho học-phái địa-dư. Thuyết xuất-sắc của ông đó là hẹp hòi Thiên cận, thuyết phân-phái của ông lại hẹp hòi hơn nữa, và cũng là tiêu biểu cho sự khiếm khuyết của học thuyết địa dư. Thuyết đó nhằm lẫn lẫn, không đáng phê-bình Buckle s. k. t. tr. 28 s.)

Nguyên-tố địa dư và tính cách kinh tế của một xã hội. Một phái nữa, chủ trương rằng địa dư có liên lạc mật thiết đến tính cách kinh tế, định sinh của một xã hội. Thực ra, thì bao nhiêu sách thuộc loại địa dư kinh tế hay địa dư kỹ nghệ và hầu hết những sách về sử-ký đều hùa địa dư như một điều kiện, then khóa của kinh tế, và định sinh (thi dụ Semple, *Ellench: American History and its Geographic Conditions*, 1903; Semple, *Influences of Geogr. Environment* 1914; Smith J. R. *Industrial and commercial Geography* 1913; Whitbeck, R. H. và Fitch, V. C. *Economic Geography*, 1924; Huntington E. và Williams F. F. *Business geography* 1922; Whitbeck, R. H. *Industrial Geography* 1924, và những sách khác kể trong các bộ sách trên đây). Khu sỏ ấ định cách định sinh và tính cách kinh tế của xã hội. Công thức của Le Play, đặt địa dư vào một địa vị quan trọng thế nào ta đã rõ. Công thức ấy lại có biết bao nhiêu người học về sử ký và địa dư kinh tế đem phổ diễn lại, chỉ thêm bớt ít nhiều. Lẽ có nhiều một khu vực không có mỏ than và khoáng sản khác thì không nên đợi đến có một kỹ nghệ

khoáng chất bành trướng; một nơi đất đai khan xấu không thể lấy oanh nông làm căn bản định sinh. Như thế nghĩa là công thức ấy có phần đúng. Nhưng xin nhắc lại một lần nữa, là chỗ có thiên vị địa dư quá mà lắm. Sự quan liên giữa địa dư và kinh tế tuy nhiều khi rõ ràng, nhưng cũng rất nhiều trường hợp sự quan liên ấy rất lỏng lẻo và có khi không nhận thấy được.

Ta không thể biểu đồng tình với Demolins và nhiều địa-d gia khác chủ trương rằng hề biết nguyên-tố địa dư của một địa hạt nào là đủ biết tính cách định sinh hay là các ngành kinh tế của địa hạt ấy. Những bãi hoang dạ của Nga và những cánh đồng cỏ của Mỹ kể ra nhiều tính cách giống nhau, thế mà dân cư hai nơi khác hẳn nhau. Miền núi Suisse, Pyrénées và Thibet giống nhau, thế mà định sinh của thổ dân các nơi ấy khác nhau. Người Boschimans và người Herreros cùng ở nơi hoang mạc thế mà kẻ này thì chăn nuôi kẻ kia thì săn bắn. (Thurnwald R. « *Die gestaltung der Wirtschaftsentwicklung aus ihren Anfängen heraus*», Manich, 1923). Nhiều bộ lạc thổ dân ở Mỹ châu ở những nơi đất rất phì nhiêu mà tuyệt nhiên canh nông, hầu như không có. Giấy Kápatha miền đất không lợi cho sự giồng giot, thế mà canh nông rất thịnh, 88% diện tích được cấy bừa gòn Kápatha miền Đông tuy địa lợi phì nhiêu hơn mà canh nông thua kém, chỉ có 13% diện tích được giồng giot. (Branhes *Géographie humaine* tr. 525). Ở Majorque, nhất là, trong những giấy núi về miền tây đảo ấy, đất rất xấu, mà dân cư đã dùng cách dẫn thủy mà làm vườn một cách thần diệu» (Đồng thương tr. 594). Các nhà sử giả nói rằng: «Thống thương hàng hải của người Phénécie phát đạt vì bờ bể của họ rất lợi cho sự giao thông» Thấy kết quả rồi mới tìm cách giảng giải, nghĩa là cách « nói hậu » ấy kẻ cũng đáng tin. Nhưng thực ra, cách biện minh ấy cũng là nhiều thứ biện minh lợi ấ, rất sai lầm. Sự thực của người Phénécie là như thế này: «Trong Địa Trung-Hải, khó lòng tìm thấy một nơi bất lợi như vùng bờ bể có hải cảng Tyr và Sidon có tiếng ở cổ đại. Địa thế bất lợi đến nỗi rằng hề thủy triều lên hơi mạnh là vào ra cửa bể đã khó khăn tuy thế mà người Phénécie là một dân tộc có tài hàng hải và thực dân. vậy là có làm sao? Là vì

THỐNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI

Các người không thể trở lại cái thời cũ được. Các người hãy một lòng hợp tác để đợi cuộc hòa bình, đừng đi trong nước rối ren. Chính-phủ phải được nhân-dân trọng vọng mà tuân theo.

tải buồn bực của họ đánh bại trợ lực của tạo hóa. » (Brunhes s. k. t. tr. 595; Debois, Marcel, la Crise maritime tr. 25.)

Nhiều lời giảng giải « hậu sự » như về cách dinh sinh của các dân tộc trong lịch sử, đại thể thường cũng sai như vậy. Nhắc thấy người Grec và Phenicie có tải về thông thương hàng hải người ta kết luận rằng đó là nhờ địa thế nước họ thuận tiện (xem phân tích tỉ mỉ về địa thế thuận tiện cho giao thông hàng hải trong quyển *La Mer* của Vallaux ch. 7). Thực ra, địa thế không thuận tiện đâu. Và chẳng nhiều dân tộc ở một địa lợi thuận tiện gấp mấy, mà không biết nghề hàng hải, (nhiều thí dụ trong s. k. t. của Brunhes ch. VIII và tr. 594 s. Xem phê bình của Vallaux, nói cái nhảm của thuyết địa dư, Vallaux c. *La Mer* tr. 77 và ch. II. Vallaux *le Sol et l'Etat* tr. 152).

liên địa dư đại lược bằng thay đổi.

Bảng kê đây chứng minh rằng trong một thời gian là 70 năm, cách sinh hoạt của nhân dân đã thay đổi nhiều. Những sự thay đổi ấy không thể giảng giải bằng nguyên tố địa dư. Theo ông Petronz thì ở Leipzig trong khoảng từ 1751 đến 1890, có 319 nghề mới sinh ra và 115 nghề cũ mai đi. Petronz, o, *Die Entwicklung der Arbeitsleistung in Leipziger Gewerbe* tr. 80 Leipzig (1901). Với nguyên tố địa dư khó lòng mà giảng giải được sự thay đổi ấy. Hàng nghề thì địa dư như thế chẳng tỏ rõ ràng cả và đời sinh của một dân tộc thay đổi lắm khi triệt để mà kìa sở địa dư thì vẫn nguyên. Đó là lại một chứng cớ to نحوه điểm của thuyết Demolins và học phái địa dư cùng một giống với ông.

Nguyên tố địa dư của Mỹ và Nga, khác hai

Bảng sau đây kê số người theo mấy thứ nghề nghiệp chuyên môn ở nước Mỹ
Jones, « Tread of occupation in the population » Monthly Labor Review 1925.

Nghề	Số người trong một triệu dân cư ở Mỹ							
	1850	1860	1870	1880	1890	1900	1910	1920
Quản điền, . .	103.809	77.809	77.220	84.318	83.804	74.600	68.131	57.550
Thợ làm xe, làm cây	1323	1040	843	311	204	178	41	35
Thợ nề, thợ đá, thợ sắt	2733							1076
Y-sĩ, nha-sĩ, . .	1787	1751	1618	1708	1668	1787	1643	1372
Thầy tu.	1157	1104	1138	1290	1401	1469	1383	1204
Thợ thiếc	81							1050
Người làm công	4269							41.246
Tài xế.							408	2607

Địa thế với nhân sinh tương phản nhau nhiều như thế nên thuyết trên kia không còn có tính cách công thức nữa và chỉ có một ý niệm định luật viễn vọng. Một chứng thực hiển nhiên là lắm khi, trong một thời gian ngắn mà cách dinh sinh của một dân tộc thay đổi nhiều phen. Thí dụ, ở nước Mỹ, trong khoảng 30 năm vừa qua số thợ cấy giảm hẳn từ 50 đến 35% của toàn số người làm công trong nước. Đó là một sự thay đổi rất quan trọng trong cuộc sinh nhai của quốc dân. Vậy mà có thể biện minh bằng thuyết địa dư không? Trong khoảng ba mươi năm vừa qua điều

năm về sau đây thay đổi rất ít, nhưng ai là kẻ có thể đoán trước được những ngành kỹ nghệ sẽ xuất hiện ở hai nước ấy. Nhưng một điều chắc chắn là kỹ nghệ ấy sẽ khác hẳn kỹ nghệ hiện thời. Mỗi sự phát minh mới, mỗi cuộc thay đổi lớn trong đó số chủng tộc của nhân dân hay trong cách tổ chức của xã hội hay là trong sự giao thiệp giữa xã hội này với xã hội khác, nhưng sự đó làm thay đổi cách dinh sinh! Trong một xã hội văn minh phức tạp, không thể có liên lạc mật thiết giữa địa dư và cuộc dinh sinh.

A. A. dịch.

NGHỀ CHĂN NUÔI TRAU BÒ O' XU' TA

NGHIÊM XUÂN YÊM

Trong một kỷ trước, chúng ta đã biết qua về tình hình nghề chăn nuôi xứ nhà.

Chắc ai cũng đã thừa biết rằng dân ta chẳng những bị đói cơm mà đói tất cả các thức ăn có chất đạm, thứ nhất đói thịt. Theo mọi điều khảo sát của Viện-Cảnh-nông Quốc tế ở Rome đã nghiên cứu về sự an uong của người Á-Đông tại xứ thuộc địa Pháp này thì mỗi người hàng ngày ăn có 17 gr thịt lợn. Riêng thịt bò là món ăn hồ và dễ tiêu, vì có nhiều chất tương tự với các chất cần thiết cho cơ-thể người ta, trong một năm ở toàn cõi Đông-Dương, số bò mổ thịt tại các lò sát sinh không quá 10 vạn. Kể cả những bò làm thịt ở các làng trong dịp lễ lễ cùng những con bị mổ đầu điểm, tổng số bò thịt cũng chỉ trên dưới 20 vạn, tính vào khoảng 35.000.000 kg thịt. Đồng đẳng, mỗi người một ngày chỉ được ăn 5 gr thịt bò.

Gần đây, đời sống của dân chúng không còn nhẹ nhàng, dần-dị như thời xưa. Cả phần trí cũng phần sức đều phải làm việc nhiều hơn, vất vả hơn, vì cuộc tranh đấu về cầu sống lấy thân mình và cho cả đoàn-thể, mỗi ngày một khó khăn, ác-liệt hơn, thì chúng ta phải mong sao dân quê mỗi người có được tới 100 gr thịt để ăn hàng ngày. Khi đó toàn cõi phải có đủ súc-mục để mổ thịt chừng vài triệu con trong một năm chứ không phải chỉ vài ba chục vạn con như ngày nay.

Về việc dùng sữa, bị cùng phí mạt, tuy rằng các thức ăn ấy chưa phải là thức ăn chính, cần thiết cho dân ta. Nhưng, từ mười lăm năm nay, một số lớn người mình cũng đã dần dần quen cái lối sống phong lưu «...sáng sữa bò». Vì quan niệm nội-trợ tế gia đối với phụ-nữ đã khác xưa, cách nuôi con của các bà đã thay đổi,

lối móm cơm cho trẻ em đã được coi là không hợp vệ sinh, nên sữa bò càng ngày càng thấy cần thiết. Trong những bệnh viện, ký-túc xá, nhà nuôi tiểu-nhi... so sữa hộp nhập cảng của nước ngoài vào hàng năm càng dùng nhiều. Vậy mà, số bò sữa của Đông-Dương nuôi ở các trại nhỏ gần những thành phố lớn (Hanoi, Saigon, Dalat...) và ở một vài đơn điền người Âu, có lẽ không quá 1 vạn con (của nước Pháp, đàn bò sữa tới 7.000.000) ta cần nhớ rằng không nên đếm đầu đàn bò sữa của ta, vì một vạn con của mình không vắt được nhiều sữa bằng 3 nghìn con của người. Bởi lẽ giống bò ta ít sữa. Mỗi ngày chúng bình chỉ vắt được 1 lít sữa. Suốt trong thời kỳ vắt sữa 4, 5 tháng trời không được tới 350 lít. Kỳ đầu xảo súc mục năm 1924 con bò ta giải nhất vắt được 4,355 lít; con giải nhì được 3,790. Song đó là những con cần phải chăm nom rất tốn kém, cốt đem đầu xảo chó vị tất đã có lãi. Trái lại, các giống bò sữa của người được tới 10 lít một ngày. Giống bò d'Abondance hàng năm được 2700 lít. Giống Ongole được 11 lít và giống Sind được 7 lít một ngày.

Tôi tiếc rằng không biết rõ con số về sữa, nhưng cứ xuy những số phó-mát 300 tấn và bơ 420 tấn trước kia mua của Đại Pháp non nửa, còn giá nửa của Úc Châu cung cấp cho, thì giá khi chưa xảy chiến tranh đã tới 80 vạn bạc, thì số sữa hộp nhập cảng hàng năm phải lợi triệu đồng trở lên. Cả món tiền lớn ta phải bỏ ra ngoài ấy đủ chứng tỏ rằng nếu nghề chăn nuôi bò sữa của ta được khuyến-trương thì mỗi lợi thu vào cho dân chẳng phải nhỏ.

Nhưng, điều hệ trọng hơn hết là xứ nhà thiếu trấu, bò để cấy bừa vạn tải và dùng vào các kỹ-nghệ. Kỳ trước tôi đã có dịp tính rằng ở trung-

chưa Bắc-kỳ thiếu chừng 5 vạn con trâu đã lâu ruộng. Vì thiếu như vậy nên một con nghé mới vực đã phải gánh vác tới 5, 6 mẫu ruộng. Một con trâu già rụng gần hết lông tai, hoặc một con bò già nhẵn hết gai sừng cũng đằm đượm chừng mười mẫu. Ở lấm vùng có nhiều nông phu chạy vốn tậu một con trâu đem làm ruộng mặt (1), ôm đồm được tới 12, 14 mẫu. Bởi thế trâu bò phải cày bừa suốt hai buổi, sáng, chiều, ngày nắng gắt cũng như ngày dịu trời. Tại những nơi đất xấu, rầy cộ, sau một vụ mùa tháng năm vài trâu thường vỡ nứt uở, màu mỡ đầm đĩa, vì phải làm quá sức rông rã mấy tháng trời. Cảnh tượng thương tâm «chồng cày cấy, vợ con làm thân trâu kéo cày» tôi đã có lần nói tới. Vì trâu bò khan, nên giá trâu bò đắt. Nông dân phải chung nhau 5, 6 người mới tậu được một con trâu. Hoặc muốn tậu một mình thì thật vô cùng vất vả họ mới chạy đủ vốn. Trước tình thế ấy chung qui chỉ lợi cho các nhà giàu sẵn tiền đặt lãi nặng.

Phải làm ruộng, đất có cây ải được từ vài tháng trước khi bừa ngã thì ruộng mới tốt & ải hơn vài phân, nông-dân ta vẫn biết chiêm nghiệm như thế. Ở một vài nơi, chẳng những họ cày rất sớm, mà còn khuôn từng tảng vai cày đem xếp lên bờ ruộng thành những bức tường thấp để phơi cho đất mau nở và chóng ải. Đất có ải, sau này bừa, dễ giống mầu mới nở, đỡ công đập, hoặc nếu bừa ngã để cây lúa mới sẽ mau thành bùn và chóng ngấu. Có được tầm nắng, mưa, nhất là nước mưa ở xứ ta thuộc nhiệt-đới, chứa rất nhiều hợp-chất của đạm-khí, do các luồng điện trên không-trung hóa-hợp thành, mỗi khi có sấm xé (synthèse de composés d'azote par électricité atmosphérique), — thì những tác dụng của vi-trùng dưới đất mới chóng kiến-hiến (actions microbiologiques du sol) và các khoáng-chất mới mau biến-thể ra những chất muối tan trong nước (sels solubles) để sau này nuôi cây cối. Cây đẻ cho đất nở, còn có điều lợi nữa là trừ bớt được những giống côn-trùng cắn hại, nhất là loài thiêu - thân hai chấm (pyrale à 2 points). Cùng một ruộng, nếu một nửa cây ải, một nửa không, bón phân đều nhau, tới kỳ lúa chín gặt, ta

(1) Làm ruộng mặt & cỏ trâu đem cày bừa thuê từ lúa cây vớ đến khi bừa cấy, mỗi mẫu trước kia 5\$00. Bây giờ, phải 15\$00 hoặc 20\$00.

nhận được nhiều hơn. Khi ruộng đã bừa ngã rồi, càng bừa đi bừa lại được nhiều lần càng tốt. «Mạ già (nhưng) ruộng ngấu, không thua hạn điền».

Song muốn ruộng được ải đất, tất nông-gia phải có đủ trâu bò để cày vớ từ tháng một, chạp, nếu ruộng để trống mầu, hay từ giêng, hai, nếu ruộng để cấy lúa. Vậy mà ở xứ ta, trong khoảng những tháng ấy, nhà nông nghèo chưa có trâu. Tháng tư họ mới đi tậu trâu bò. Vả chăng, chỉ khi nào được m ra rằm hay mưa xuân âm đất thì mới ải được, vì phải cày gấp trong đám hôm, nửa tháng. Một nông-gia làm chừng mười lăm, vài chục mẫu ruộng mà sẵn có đám, bầy con trâu thì có thể cày xong sớm tất cả ruộng. Trái lại, nếu chỉ có vài, ba con thì lẻo đẻo m vì cày được một phần ruộng đã hết tuần mưa đất lại rắn, đành đợi kỳ khác. Lỡ gặp nam ít mưa xuân hay chậm m ra rằm thì phải để ruộng cỏ tới tháng tư, tháng năm mới cày vớ được. Như vậy đất không kịp ải nữa. Rồi ra, tới chính ngày mùa, cũng vì ít trâu nên ở nhiều nơi ruộng bừa rồi-rá, hòn đất còn to bằng quả ổi, dăm chân xuống ruộng còn chơ như sân, chưa đủ bùn và cỏ cũng chưa thối nát hết để phải vùi vàng đem cấy, vì sợ ruộng cạn không chđ được hết kỳ năng; hay vì sợ cấy muộn quá, sang tháng bảy, gió tau đã hiu hắt thì lúa cấy không lên được nữa và không để ra to khóm. (1) Các ải và đồn điền lớn, hàng năm thường phải bỏ cỏ m cho ruộng ít nhất cũng tới hai, ba chục mẫu, chỉm bởi không đủ trâu bò để làm ruộng cho kịp thời. Một phần đông các tiểu-nông-gia, có một hai mẫu thường gào ruộng cho bọn có trâu đi làm ruộng mặt. Bọn này cày bừa rất vội vàng. Khi cần là gấp, đáng lẽ một lượt bừa kép thì họ cho một lượt bừa đơn, đáng lẽ bừa lại xong phải để chđ độ một tuần-lễ cho ruộng ngấu phau dơ rồi m cấy-cấy thì họ bừa cấy liền nhau cho đất ải.

Tóm lại nguyên nhân chính của mọi ôi vôi và m rồi-rá ấy đều do sự ít trâu bò trong xã hội ta. Vì đã không lấy đầu ra sức-mục để cày sâu bừa nhàn độ mùa màng sẽ sút đi một phần.

Còn một điều sau đây đáng chú ý. Ở vùng châu, nếu để cày bừa, những ruộng sâu thì dù trâu rất phải. Vì con trâu, mà chữ nhỏ đã gọi thủy ngưu, vốn chỉ khoẻ và dai sức khi nó đi bị bồm ở dưới nước và được dăm bùn. Nó khđ

chịu được nắng rọi ở trên xuống và cũng không kham được hơi nóng ở dưới đất bốc lên. Lạm ruộng cao khô cạn, hoặc ruộng vẫn khan nước hay trơ đồi, bãi thì chỉ độ 9, 10 giờ sáng nó đã rín thối, rồi lộn cây nằm lan ra đầm bùn. Dùng trâu để kéo xe vận tải trên đường dài, về mùa hè cũng bị những điều bất tiện như vậy. Trái lại, bò chịu được nắng hơn, Tuy không nặng cân bằng trâu (1) nhưng bò dai sức ít thở dùng làm đất soi bãi, đồi, có lợi hơn trâu. Vậy mà tôi đã nhận rằng vì cái nạn ít trâu bò nuôi trong xứ ta, nên dân quê đành phải gập gúm mua nấy, dù rằng họ vẫn hiểu rõ mất tốt, xấu của từng giống súc vật. Ở nhiều nơi đồng cao, đất pha cát, chỉ cấy lúa sớm vụ mùa và san kỹ gặt sẽ trồng mít, đáng lẽ dùng bò thì phải thích hơn, nhưng vì suốt vùng hiểm hóc (2) nên đành phải dùng trâu. Ta hãy cứ so sánh những con số Bắc-kỳ:

Bắc-kỳ: 650.000 trâu: 200.000 bò

Trung-kỳ: 400.000 trâu: 500.000 bò

Nam kỳ: 300.000 trâu: 150.000 bò

Tổng số của Đông-dương: 2.250.000 trâu: 2500.000 bò (vi Cao-môn có tới 1.200.000 bò.) Như vậy, ta đủ hiểu nông dân Việt-nam thiếu bò nhiều hơn thiếu trâu, và tất nhiên họ phải dùng trâu thế vào bò.

Chỉ bao giờ đàn trâu bò của nước ta được động gấp ba gấp năm bảy giờ thì sự mua bán sẽ dễ dần, sự dùng trâu hay bò mới sẽ hợp với đời sống từng giống, và ta mới không còn thấy dân quê đem hoài phí sức trâu trên những cánh đồng đất cát nóng.

Và chẳng, nếu ta có thể gây được nhiều bộ giống tốt, nặng cân như bò Thanh, Hà-giang, thì không những công việc cấy bừa nơi soi, bãi đồi, đồng cao, đều dành cho bò mà cả những việc kéo xe vận tải, vừa nặng, vừa đường dài, cần cả khỏe và bền sức, chịu nắng, chịu nhọc sẽ cũng dùng đến bò, để phần đàn trâu dùng mảnh cho những nơi đồng sâu ruộng lầy, lầy lờ kéo mạt, cùng những nơi lấy gỗ trong rừng mát mẻ.

(1) Trâu nặng tới 600 kg. Bò ta chung bình nặng 300 kg. Bò Thanh và bò Hà-giang may được 450 đến 500 kg.

(2) Thí dụ vùng Bắc-kỳ, Thái-nguyên rất ít bò, nhiều trâu.

Nói đến vấn đề kéo xe vận-tải, chúng ta hãy bớt thì giờ để ý xem ở đầu cầu sông Cái, ngã ba Gia-lâm, ngã tư cầu Đường, hoặc ở các chợ to, Hà-dông, Kê Sặt... hàng ngày bao nhiêu « xe bò » đi lại, tải gạch, ngói, vôi, cát, thóc, gạo, muối, gạo, gỗ v...v..., thứ nhất từ khi các xe hơi vận tải bị hạn chế, số « xe bò » ấy đã tăng lên gấp bội. Tuy gọi là « xe bò » nhưng có phải bò kéo dẫn? Những con bò đi hai chân, gọi tiếng người ấy đã diễn luôn luôn trên các giải đường dựa, đường đá, nóng dầy chân, loét mắt, giữa trưa bò oi ả hoặc trên những con đường đỏ khác khuỷu, bùn lầy ngập chìm vành bánh xe, trong một buổi chiều đông, mưa dầm lạnh buốt, những cảnh tượng về cùng ái-ngại, làm mỗi lòng kẻ hữu tâm. Chúng ta hãy so sánh hai cảnh khác nhau: 5, 6 người xoay tròn, dây, kéo một chiếc xe 8 tạ với; mỗi hồi lăm lăm, náo bất hánh, uào bẻ càng, mà thậm chí chỉ hơi nhúc nhích, với một người tag-dung phụ phầy chiếc roi đánh một con bò thủng-thỉnh cũng kéo một cái xe chở nặng chừng ấy tạ, đi dầm, bày cây số trong hơn một giờ.

Thêm nữa về vấn đề chấn hưng nghề nông, và chống nạn dân đói ở trung-châu Bắc-kỳ, người ta chờ đợi một phần giải quyết ở công cuộc trị thủy, dẫn nước vào nơi khan, khai máng cho thoát nước ở nơi chũng, mong có thêm ruộng cấy lúa hoặc một mùa hoặc hai mùa. Theo chương trình của Chính-phủ đã cho thi hành từ mấy chục năm trời, hiện ở Bắc-kỳ đã có chừng 250.000 ha được chỉnh đốn về vấn đề nước, và người ta hi vọng tình thế khó khăn hiện thời sẽ mau qua để mọi việc chống tiến hành tại nông dân sẽ có thể hàng năm cấy thêm một vụ lúa nữa trên khoảng hơn 300.000 ha. Nhưng chúng ta chớ quên rằng đã có nước để cấy thêm ruộng tất phải có thêm trâu bò để làm và thêm phân bón. Như thế xứ Bắc không phải chỉ thiếu có 5 vạn trâu bò mà sẽ cần có thêm tới trên 10 vạn.

Cuối cùng, tôi xin nhắc qua nỗi thiếu phân bón của nông dân. Hiện nay, trừ những cánh đồng gần các nơi đô hội trừ phú, sản cổ thêm phân hôi phân lợn (dân quê có phoang lưu mới thường nuôi được nhiều lợn, gà... thứ nhất nuôi lợn mới) thì có tạm đủ phân bón; chớ ở khắp mọi nơi xa, dân thưa hơn, nghèo hơn, ruộng nương thuộc về các ấp, đồn điền, thì 8/10 ruộng đều cấy cấy. Tại

vùng Gia-lâm, Cồ-Bi... mùa màng tuy vẫn được
tiếng là tốt, nhưng chính bởi đất có nhiều phù-sa
bồi từ năm vỡ đê Lâm-do (1920-?) Sự thực,
những hàng ấp cấy ruộng đó không chăm bón
chỉ cả. Những ông già ở các vùng ấy nói chuyện
với tôi cũng đã công nhận rằng trải hơn 20 năm
trời nay chất màu tốt đã dần dần kém đi; nếu
từ giờ trở về sau không có đủ phân bón vào,
ấp ruộng đó chẳng bao lâu sẽ kiệt sức.

Nỗi thiếu phân bón này sẽ càng khó giải quyết
khi mà nhờ mọi việc trị-thủy, xứ Bắc ta sẽ có
thêm ruộng cấy hai mùa. Càng cấy được cả
chiếm lẫn mùa, đất càng chóng kiệt: nông dân
càng phải lo tìm thức ăn cho bò. Đã đành rằng ở xứ
nào lấy nghề nông làm gốc cũng vậy, nếu chỉ
nguyên có phân trâu bò thôi thì không thể đủ,
tất phải dùng thêm phân hóa-học, phân xanh,
xương cá, xương súc vật làm thịt v. v... Nhưng
đối với trình-độ nông-dân ta, tôi thiết nghĩ, muốn
có thêm phân bón (tôi nói « thêm » chứ chưa
đám nói rằng « đủ ») thì trước hết ta hãy nên
lo cho họ có thêm phân chuồng đã, nghĩa là mong
cho họ có thêm trâu, bò để lấy thêm phân, thêm
nước giải, và để ủ, dấm cho rơm, cỏ, lá cây thối
nát thành nhiều phân. Gần đây, nông-dân ở một
vài tỉnh đã quan trọng lá cây muồng muồng hoa
vàng (crotalair striée) làm phân xanh, nhưng chỉ
mới biết ngâm lá xuống ruộng đã bừa ngấu.
Còn cách lấy lá muồng muồng hoặc lá cốt-khi
hoa trắng (téphrosia candida) để bỏ vào chuồng
cho trâu bò nằm, và dấm mục nát thì dân quê
chưa biết mấy. Ở những miền trung-du, hay các
tỉnh trung-châu giáp giới trung-du rất sẵn đất để
giống các cây ấy; nếu nông-dân lại có nhiều trâu
bò và chuồng phải làm cẩn-thận thì một con bò
có thể cho đủ phân để tằm bón tới 3 mẫu ruộng.
Tôi nói tằm bón, vì chỉ mới dám mong cho dân
quê ta được chừng 15, 20 tạ phân đem bón một
mẫu thôi, chứ ở các nước ngoài người ta dùng
tới 35 tạ trở lên và còn bón thêm phân hóa-học.
Vả chăng, ở xứ mình, tôi khi đã có nhiều trâu bò
thịt mỗi năm từ hàng triệu con thì những xương
súc vật để bón ruộng cũng khá nhiều. Mỗi con
trâu, bò nặng chung bình từ 350 đến 400 kg; chỉ
được 45% tới 50% thịt, còn là xương, da... Dân
quê ta còn ít người biết dùng xương loài vật và

tiết động lấy ở các lò sát sinh ra đem bón ruộng
chính vì các thứ ấy chưa có nhiều để có thể
thông-dụng được

*

Sau khi đã xem qua tình hình ng' ở các miền
trâu, bò ở xứ nhà và xét kỹ mọi nỗi thiếu thốn
thịt để ăn, sữa để dùng, súc vật để cấy bừa, v.v...
tôi, và thiếu phân bón, chúng ta nhận thấy nghề
chăn nuôi cũng như nghề trồng của ta cần phải
chỉnh đốn lại, mở mang ra. Một kỹ-sư người Pháp
chuyên-môn về chăn nuôi đã viết: « Chỉ bao giờ
« người Đông-dương đã hiểu được sự cần-thiết
« phải tích trữ cỏ để cho súc-vật được no béo
« như thường qua mùa khô hạn, thì bấy giờ ta
« hãy nói đến việc lựa chọn giống tốt, trước
« thời kỳ ấy, đừng có cố sức cải-cách điều gì nữa
« vô-ích. » Câu nói ấy có lẽ quá, nhưng cũng
không phải không đúng sự thực ít nhiều. Thân
nữa, làm ruộng thì dân quê chắc chắn không bao
giờ sợ thiếu. khắp các vùng thôn quê đã sẵn
hàng-sáo đến tận nhà đông. Trái lại, nghề chăn
nuôi cần những điều kiện về kinh-tế phức
hơn: mà một nhà chăn nuôi cần phải hiểu, để ban
làm bò thịt, bò sữa, bò giống, bò cấy... cho có lợi.
Vì thế, làm nhà tư-bản chỉ ưa tậu ruộng, đầu
điền giống giết; họ rất nghỉ ngại nghề chăn nuôi.
Họ chưa tìm rằng nghề ấy có lợi bằng cấy cây.
Vả chăng một điều quan-lệ nữa là nuôi một
mang nghề chăn nuôi tất phải lên các miền trung
thượng-du, những nơi mà dân chúng vẫn sợ sợ.

Kết luận lại, nghề chăn nuôi xứ mình phải
chờ đợi rất nhiều ở những người có óc m
những thanh niên trí-thức ưa hoạt-dộng, kinh
doanh, mến thực-tế, và ngoài sự làm giàu, còn
biết nghĩ đến ích lợi chung cho cả đoàn-thể. Ở
đây, cũng như ở trong công cuộc cải cách h
thôn, mở mang nghề nông tang, truyền bá sự h
vấn, dẫn dụ về vệ sinh, khuyến khích các c
nghệ... nghĩa là ở tất cả những việc nhằm t
mục đích xây một tương lai đẹp để cho nước nh
các bạn thanh-niên trí thức lại nhận thấy
một dịp nên đưa tay ra đón lấy những c
việc của bọn mình đáng làm và phải làm
đừng nên bỏ mặc dân quê trong các việc m
cứu họ không thể không cần đến nhữ
điều chỉ dẫn, bước mở đầu, với sự cộng tá
của chúng ta. NGHIÊM XUÂN YÊN

NGUYỄN DU VÀ DÂN NGHỆ TỈNH

NGUYỄN THIỆT LẬU

Ông Đinh gia Trính — trong bài Nguyễn Du và chuyện Kiều (xem Thanh Nghị số 59 trang 11) — có nói là ông Nguyễn bách khoa quá tin ở thuyết địa-dư khi ông Nguyễn muốn nói về ảnh-hưởng xứ Nghệ và xứ Bắc (Bắc-ninh) tới tính-thần và tình-cảm Nguyễn Du.

Trước ông Nguyễn, có nhiều người đã nói về ảnh-hưởng địa-dư xứ Nghệ tới dân-trí xứ ấy, tuy nói qua, không cả-quyết và không giảng-giải là ảnh-hưởng đó như thế nào. Tôi nghĩ tới bài diễn-văn bằng Pháp văn mà ông Vũ tuấn Sán — hồi còn làm giáo-sư ở trường Lê Văn ở Vinh — đọc cho học trò trường ấy (bài này báo Trung-Bắc Chủ-nhật sau có dịch đăng vài đoạn).

Đã có một lần — sau mấy kỳ di thám Nghệ-Tĩnh và nhất là lòng Tiên-diễn cùng với ông Đào Duy Anh — tôi đã nói chuyện với ông Đào về vấn đề ảnh-hưởng của địa-lý, địa-dư, lịch-sử tới người ta, thứ nhất là tới Nguyễn Du và dân Nghệ-Tĩnh

Ông Đào duy Anh, trong quyển *Khảo luận về Kim Vân Kiều* (Quan-hải-Tùng-thư. Huế 1943) trong chương *Quê quán, Dòng họ*, có giảng giải những ảnh-hưởng đó. Nhưng vì viết một quyển sách cho học-trò, ông Đào đã không làm một bài « luận thuyết » rõ ràng khúc chiết : và lại, trong một vấn-đề khúc-khẩn, chưa giải-quyết được theo « phương-pháp khoa-học », muốn rõ ràng, khúc chiết nguy hiểm lắm.

Tôi rất đồng-y với ông Đào duy Anh về những lý mà ông đã dẫn ra. Tôi muốn nhắc lại các lý ấy cho bạn đọc Thanh Nghị.

Những tôi muốn nhắc bài này mà nói rằng ảnh-hưởng địa-dư, địa-lý, lịch-sử tới dân song trông một miền và thứ nhất là tới một nhà văn rất mơ hồ, khó định theo phương-pháp khoa-học. Nhiều người cho rằng phương-pháp khoa-học đem áp-dụng vào môn khảo-cứu nào cũng được : sử-học, văn-học, v. v. : họ có lý, nhưng áp dụng để khảo-cứu thời được, chứ giảng-giải thời khó đúng lắm.

Đứng về phương diện địa-dư khoa học mà nó thì ảnh hưởng của khí hậu, sơn-xuyên . . . tới người ở không có thể định được : không có một nhà địa dư nào tin ở rõ một cách tiết để Tại làm sao ? Tại người ta chống lại lời hoán

cảnh địa dư. Sức chống lại tùy ở văn-minh vật-chất mà ra. Nếu văn-minh vật-chất mà kém thì chịu ảnh hưởng nhiều, nghĩa là chịu thua tạo hoá. Sức chiến đấu có thể làm này-nỗ-tính kiên-nhẫn, chịu khó. Nhưng đó chỉ là bản viên vòng mà thôi.

Tôi có biết qua xứ Nghệ và các xứ khác ở Trung kỳ : tôi không nhận riêng cho xứ Nghệ nhiều đặc điểm mấy và tôi không dám nói là có ảnh hưởng gì của địa dư tới tâm tình dân cư cả. Dân đông ? Cũng như dân nhiều xứ khác ! Xứ nghèo ? Cũng như nhiều xứ khác nghèo !

Vậy tôi muốn là ta đừng bàn tới địa-dư : vì chưa có nhà địa-dư, vì núi sông không biết chống cãi.

Hay là ta bàn tới địa-lý ?

Các nhà nho rất tin ở địa-lý. Họ tin ở địa-lý theo hai cách. Một là, theo họ, có ảnh-hưởng của núi, sông tới dân-trí, tức là một ảnh-hưởng địa-dư rất mơ-hồ. Thí dụ như « Sơn bất cao, thủy bất thâm » thời « Nam đa trá, Bắc đa dâm ». Tôi không hiểu được những phép địa-lý ấy. Một phép địa-lý nữa là có những nơi cát-địa : mồ mà nhà ai mà đem lảng nơi ấy thời con cháu phú-quý vinh-hoa . . . Có nhiều người tin lắm, tuy dân bà con trẻ chưa ngoa vẫn nói : « Hòn đất nó biết nện năng, thời thầy địa-lý hăm rằng chẳng còn ». Chắc nhiều bạn — cũng như tôi — không tin ở phép địa-lý thứ hai này.

Nhưng ở-dĩ tôi nói tới địa-lý là vì xứ Nghệ và vùng Tiên-diễn — theo nhà địa-dư hồi xưa — rất được đất : ở đó, địa thế, hình cương.

Sách *Đại-Nam nhất thống chí* của Cao xuân Dục (xem bản dịch của Phan kể Bình đăng trong *Đồng-Dương tạp chí* năm 1917) khi nói tới *Hình-thế*, xứ Nghệ thời đầy tin-tưởng về địa-lý.

Hình thế : « Phía đông có bể cả bao bọc, phía tây có rừng núi chắn ngang. Sông Lam quanh một nam, khe Lĩnh vòng một bắc. Phía trước thời có 99 ngọn Hồng-linh làm tiền án, phía

Có phải là đờng-bang mà ta nó trên là « đờng » đất liêng ? Nhân ai ở đó n a ra : Nguyễn-lu Nguyễn công Trứ, la bởi khí-thiên của núi cao, bề r ng Văn phai Hồng-sơn ở đây

Ái đặt ra bốn câu thơ mà tôi đã nhắc ở trên bốn câu thơ có ý nghĩa địa-lý ? Phải chăng Tả Ao ?

Dù sao, ta nên nhận rằng vùng đó đã sinh ra nhân-tài.

Còn duyên-cớ bởi đâu, đó là một vấn đề khác. Ta không tin ở địa-lý, ta chỉ có thể tìm ở lịch-sử mà thôi, ở lịch-sử thành lập các làng trên đồng bằng mà ta đã nói.

Tôi xin nói trước là tôi không biết rõ lịch-sử thành-lập các làng đó, tuy tôi muốn học đã từ lâu. Bây giờ chỉ mong là các bạn ở Nghệ học giúp mà thôi. Có bạn đã cho tôi biết (nhưng sự khảo-cứu chưa được đầy đủ) là nhiều làng-vùng ấy có dân Bắc xin đến ngụ cư khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê (đầu thế kỷ thứ XVI). Dân Bắc theo cửa Hội-thống mà vào, thuyền có thể đậu ngay ở gần cửa. Rồi họ xin nhập vào làng xóm ở đồng bằng mà ta noi trên vì đó, lúc bấy giờ, chắc ít dân cư hơn các làng ở mạn trong. Nhưng gia đình, nhà đã bỏ xứ Bắc-kỳ đi như thế / hai là gia đình những các trung-thần nghĩa sĩ, không chịu làm quan với nhà Mạc. Nguyễn Du theo gia-phả họ Nguyễn mà ông Đào duy Anh đã kể cừu — trái lại thuộc về một họ mà khi trước làm quan với nhà Mạc, trung với nhà Mạc. Vì không muốn thân-phục vua Lê, chúa Trịnh, Nguyễn Nhiệm chạy trốn vào Nghệ, ẩn ở làng Tiên-diễn. Giòng dõi của Nguyễn Du rất quen họ tới tâm-trí của ông.

Tôi muốn nói là nếu ta muốn tìm các ảnh-hưởng tới Nguyễn Du, nên bỏ qua ảnh-hưởng địa-dư, địa-lý và chú trọng tới ảnh hưởng của giòng dõi và của các người sống chung quanh tuy những người có bản lĩnh riêng hay có biệt-tài chả chịu ảnh-hưởng của ai cả. Tự họ lập ra họ mà thôi. Giòng dõi không hẳn là bảo-đảm, vì họ phụ có thể có khuyết-tử. Ta cứ nhìn chung quanh ta thời sẽ nhận thấy rất nhiều thí-dụ chứng giải ?

Còn vấn đề di dân xứ Nghệ có tinh-thần chiến-đấu

« trùng điệp-điệp. Và lại bao bọc sông Hiếu, sông Lam, không ách cửa Hội, cửa Vạn, núi Thiên-nhân, bình như, muôn ngựa chạy ra, làm cỏ chong cho các đường núi. Cửa Hội-thống có núi Song-ngư đứng sừng, làm then khóa cho cửa bể. Các đường thượng-du có nhiều phiên lạc cơ-mi. « Phía tây-bắc thời liên-tiếp với Thanh, Hưng ; « phía tây-nam thời không chẻ cả Lào mán. Vậy nên gọi là đất tứ tắc (bốn bề hiểm trở). Thật là « một nơi cụ-trấn cho hình-thắng Hữu-kỳ vậy. »

Vậy suốt cả xứ Nghệ được đất !

Nhưng vùng Tiên-diễn lại được đất hơn.

Núi Hồng-linh, làm tiền-án cho cả xứ Nghệ, núi Song-ngư làm then khóa cho cửa bể Hội-Thống đều họp lại ở vùng Tiên-diễn.

Hình đất vùng Tiên diễn như sau này :

Hình tam giác, Phía đông, đường thẳng là bể. Phía tây-bắc, đường thẳng (từ tây-nam tới đông-bắc là sông Lam. Phía tây-nam, đường thẳng là chân núi Hồng-linh. Một đường là biển cả, một đường là sông to, một đường là núi cao : ở giữa là một đồng bằng nhỏ.

Đồng-bằng đó có những « giếng » đất « cát pha » chạy giải, song sông với bờ biển (cordons littoraux). Dân quê làm khoai, đậu hay trồng giầu Lài g, xóm đều ở trên « giếng » cả vì đất cao. Chính nhà cụ Nguyễn-Mai — giếng giới Nguyễn Du — ở trên « giếng » : trước khi vào nhà phải đi qua một vườn giầu. Làng Tiên-diễn là quê Nguyễn-Du ; gần đấy, làng Uy-viên, quê Nguyễn công Trứ ; làng Tả-ao, quê của nhà địa lý trứ danh.

Ngoài biển, có hai cù-lao con gọi là Song-ngư. Đứng trong đất liền nhìn thấy.

Ta hãy nghe nhà địa-lý :

« Hồng-linh sơn cao,
« Song-ngư hải khoáng :
« Nhược trí minh-thời,
« Nhân tài tú phát. »

đồng-cảm hơn dân xứ khác, sách *Đại-Nam nhất thống chí* có nói tới và có giảng-giải, theo phép địa lý :

Phong-tục : « Học trò chuộng khi viết, nhiều người bao-mại, giốc chữ chăm học, văn chương thời chuộng lời lẽ cũng cấp không chuộng đẹp ». « Ma làm ruộng thời siêng việc cấy cấy. » Tục rat cần kiệm vì là đất xấu, dân nghèo ». « nhiều. Khi chắt thời thuận hậu, hay giữ nền nếp, sợ danh giáo và sẵn lòng giúp việc công nghĩa. Lắm người làm nên khôi-khoa hiền-huân, danh tiếng lừng lẫy trong triều ngoài quận, *Minh chí* tôi rằng người Hoan châu thuận cả siêng học, chính như thế thực. Sách truyện có câu rằng : dân ở đất xấu hay hiền ». « nghĩa, xứ này cũng đủ làm chứng cho câu ấy. » « Vậy hơn trước buổi nhà Lê sáng nghiệp và lúc trung-hưng lắm người lập nên công danh hiển hách ; dầu đến quân lính đi từng chinh cũng đồng với quân Thanh-hóa mà gọi là « quân-binh. » « Cái phong khí trung nghĩa đại thể tỏ ra đây ».

Như trên kia tôi đã nói ảnh hưởng địa-dư rất mơ hồ, không thể định được, tôi tâm-trí, phong tục của dân cư.

Ta không tin ở địa dư và cũng chẳng có thể tin ở địa lý được.

Nhưng mỗi miền có một địa vị địa dư (situation géographique) : địa vị đó có ảnh hưởng tới lịch-sử, nghĩa là tới tâm trí, phong tục của dân.

Vùng Nghệ-tĩnh có hai đặc điểm : một là ở xa nhất nước Tàu và ở gần Chiêm-thành (Chiêm-thành ra tới Hoành sơn), hai là có miền núi, có đồng thưng dụng binh để.

1) — Vì là tỉnh xa nhất Tàu nên trong thời kỳ nội-thuộc mãi cho tới hồi Lê Lợi khởi binh đánh nhà Minh, bao giờ những người yêu nước cũng vào họp ở đây để dấy binh, để đánh ra phía Bắc, thứ nhất là họ có miền núi để lui quân về, nếu bị thất bại.

2) Vì là tỉnh gần nhất Chiêm-thành nên khởi đầu cuộc nam tiến của ta là từ đây. Hiện giờ dân Nghệ tràn vào Trung-kỳ, Nam-kỳ, đi Ai-lao nhiều lắm, không phải chỉ tại tỉnh Nghệ nghèo mà tại dân đã quen đi ra ngoài từ nhiều đời rồi.

Có lẽ vì thế mà dân Nghệ đến bây giờ còn giữ được nhiều đức tính tốt chăng ?

Nhưng tôi không biết là giảng như thế có đúng không, tuy lấy chứng có lịch-sử ra rất dễ.

* *

Dù sao tôi rất mong là có người sẽ khảo-cứu vấn đề Nguyễn - Du và vấn - đề người Nghệ theo phương - pháp « khoa học » tuy tôi nhận thấy là tìm tài liệu rất khó và lý-luận theo chủ quan nhiều. Phải chăng đó là những vấn đề khó hay không có thể theo phương pháp khoa-học mà giải quyết được ? Người Nghệ là người Nghệ ư ? Nguyễn Du là Nguyễn Du ư ? (1)

NGUYỄN THIỆU LẬU

(1) Ai đã học qua xã-hội-học cũng nhận rằng định cả tính dân một vùng là khó mà giảng giải lại khó hơn. Nhà địa-dư có thể nói qua về cá tính đó.

Bốn câu thơ địa lý mà tôi dẫn ở trên phải chăng là nói chung về cả xứ Nghệ-Tĩnh ? Ta có thể dự đoán như thế được.

THANH NIÊN

70, ĐƯỜNG MAYER — SÀI-GÒN

= TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢY =

TU - TƯỜNG - VĂN - HOA - NGHỆ - THUẬT

Gây tình đoàn-kết giữa người Việt ba kỳ.

Khuyến-kích hoạt-động để chứng tỏ sức sống của người Việt.

Phụng-sự nghệ-thuật nước nhà trên con đường mới.

Vì sửa soạn ra số đặc-biệt « Hợp-nhất », nên từ số 33, « Thanh-Niên » ra mỗi tháng hai kỳ cho đến giữa tháng bảy tây.

Thanh-Niên xin các bạn Trung, Nam, Bắc giúp ý kiến và bài vở (nói về nguyên do sự chia rẽ, ảnh hưởng của nó, những phương diện để đi đến sự hợp-nhất về mọi phương diện, chuyên văn, chuyên báo có liên can đến hai vấn đề chia rẽ, hợp-nhất...) Xin gửi về tòa báo trước ngày 20-6-44.

Mục đích số « Hợp-nhất » là gây tình đoàn-kết giữa người Việt ba kỳ và làm nhẹ bớt đôi phần sự đau khổ của đồng-bào (tiền bản lễ số báo này để giúp nạn nhân bị nạn chiến tranh toàn nước Việt).

KHOI THUỐC LÁ

VHƯ HÀ DỊCH

(Tiếp theo)

Sau cơn thịnh nộ kia, mọi người được chứng kiến tấn kịch tưởng như sống qua vài giây trong một thế-giới đảo-lộn, trong một giấc chiêm-bao mà người ta đoán trước được sự-thế sẽ xảy ra sao, đồng thời người ta cũng biết việc không quan hệ gì lắm vì chỉ một lát ngời ta đã tỉnh rồi! Là hình như người ta sống ra ngoài thời gian, như người ta đứng tại bên ngoài mà ngắm vào sự vật; hơn nữa tưởng như người ta sống lạc-loại tư đời thủa nào kia lại vì rằng chợt người ta ngẩng nhìn Junior thì người ta có cảm giác chưa từng gặp hẳn bao giờ. Một tiếng nổi lên, chồm cháp, nguyền nguyền, một thở giải khoa khoa có vẻ, nhưng ở trong còn có điều gì. Có lẽ ai cũng tưởng tượng ra cơn ác mộng của Junior thế là rồi tiêu tán như thế nào? Tưởng chừng như đột nhiên mọi người cùng đổ xô tới cái nơi ở đó tựa kia hẳn còn ngủ trong giường trẻ thơ, ở đó người mẹ kia, nghe nói đã nuông chiều hẳn mà rồi hẳn không được thừa hưởng gia-thi. nơi chôn năm xương tằm của người đàn bà xấu-số trong bao nhiêu năm giờ trước khi bị xúc-phạm, và hiện như bà đã trở về nhìn con một giây phút để rồi lại ra đi. Đã xa lắm, cái thời đó tuy rằng ngày nay nó hiện ra, trước mắt mọi người rõ rệt. Và, con đường đưa tới cái thời xưa tuy rằng thảng lập, thế mà đưa bỏ, và kia đã nằm ở giường đó mà không biết đứa bé đó đã lạc lối, cũng như chúng ta thường thấy, như chúng ta phải thấy, như chúng ta rồi còn thế mãi: Đứa bé đó đã chết, cũng như tất cả những người; cũng máu mủ ruột thịt — đàn ăn giặc trong khu rừng cédres bị xúc-phạm kia. Và cái kẻ mà mắt mọi người đang hướng lại nhìn, chính từ nơi bờ một vực thẳm không đáy mà người ta nhìn lại hẳn, bằng con mắt tỏ lòng thương hại vô bờ, nhưng không phải lòng tha thứ. Đó, vì sao mà

mọi người cũng như Junior phải đề làm mới lại với những lời của Stevens: ông ta phải nhắc lại:

— Phải, Junior à, tôi quả quyết rằng anh nhầm

— Sao? — Junior nói, rồi hẳn vùng vằng hẳn không đứng dậy; thế mà tưởng như bỗng chốc hẳn nhẩy sủ về đằng trước một cách hung tợn: « Ông nói điều. ông. »

« Anh nhầm, Junior à, không phải anh đã giết cha anh. Người đã giết cha anh là một người có thể mưu-mô ra nghìn-egăm để ám-sát cái ông cụ già ngồi ở đây này, ở đằng sau chiếc bàn này, này nào cũng thế, qua ngày này sang ngày khác, mãi cho tới khi một lão mọi đen đến đánh lưc cụ dậy và bảo cụ đi đến giờ về — một cụ già chưa hề làm hại ai bao giờ, dù đàn ông, đàn bà hay trẻ con, mà chỉ làm việc thiện, vì cụ tin rằng Thượng Đế hàng nhìn trừng cụ. Còn anh không phải anh đã giết cha anh. Anh đã đòi cha anh cái mà anh tưởng là tư-sản của anh và khi ông cụ từ chối, anh đã bỏ nhà ra đi và không bao giờ nữa anh nói với ông cụ một lời. Anh đã nghe tin cha anh bỏ hoang ruộng nương, nhưng anh vẫn làm thỉnh, ấy chính vì đất đó chỉ là « cái ập lấu sau » như anh vừa nói. Anh làm thỉnh mãi cho tới lúc anh nghe tin một kẻ điên cuồng đang khai quật những phần mộ là nơi vùi xương thịt của bà thân sinh ra anh và họ hàng anh. Thế là rồi mãi tới lúc này, anh mới đến để quở trách kẻ đó. Nhưng anh vốn không phải là người để trách móc bất cứ một ai, mà kẻ kia vốn không phải là người chịu nghe lời trách móc. Thế là anh tìm thấy người đó ở khu rừng, lưng đeo súng. Tôi đánh cược anh cũng không hề ý thức người ta đeo súng. Tôi đã rằng anh chỉ giật hổ súng của người ấy đi và bây giờ không anh nên họ một hồi rồi anh bỏ họ ở đây ở bên cạnh con ngựa; có lẽ anh đã tưởng

người đó chết rồi. Rồi có một gã bồng qua đây và thấy cha anh; có nhẽ gã kia đã đáng rình anh từ lúc nào. Gã đó cũng muốn cha anh chết đi nhưng không phải trong một cơn tức giận hay phát khùng, mà do sự suy tính kỹ lưỡng. Có nhẽ vì lợi, do một tờ chúc thư. Thế là gã đến nơi kia và hẳn thấy việc anh làm còn bỏ dở và hẳn làm cho trọn; hẳn móc chân cha anh vào bàn đạp và muốn đánh con ngựa cho nó phóng nước đại lên và như thế mọi sự sẽ tưởng như rất thường; trong khi vội vàng, gã kia đã quên mất điều mà đáng ra hẳn không nên quên. Nhưng cái gã đó lại không phải là anh. Là vì anh quay về nhà và khi anh nghe người ta kể lại tai nạn kia, anh lặng thinh. Là vì bấy giờ anh nghĩ tới một điều mà chính anh cũng không tự nói với anh nữa. Cho đến khi anh được biết tờ chúc thư nói gì, anh đã tưởng rằng anh biết và thế là anh được hài lòng. Là vì anh đã sống như chơi một thân: *tuổi thanh-niên, những vật cần thiết cho cuộc đời đã từ già anh*; anh chỉ còn muốn có một điều; sự yên tĩnh cũng như cho năm sương tàn của mẹ anh. Và chẳng ruồng dặt dễ làm gì, sống chung đụng với người khác dễ làm gì, khi mà người ta không còn quyền công dân nữa, khi mà người ta mang một cái tên bị như nhuốc?

Mọi người ngồi nghe không nhúc nhích, duy tiếng nói của Stevens vang lên trong gian phòng; không có không khí, không gió lùa, vì nó bị che khuất đi do bức tường của tòa án.

— Không phải anh đã giết cả cha anh lẫn quan tòa Dukinfield. Là vì, nếu kẻ đã giết cha anh kịp như ra rằng quan tòa Dukinfield xưa kia đã là chủ con ngựa thì quan tòa Dukinfield còn sống ngày hôm nay.

Mọi người thở nhẹ ra; ai nấy vẫn ngồi chung quanh chiếc bàn đằng sau đó quan tòa Dukinfield đã ngồi cho đến lúc bồng ngai ngàng mặt lên và nhìn thấy chiếc sún lục, chưa ai làm suy suyễn các vật trên bàn đó cả. Vẫn còn nguyên giấy, bút bình-mực, cái hộp nho bằng đồng chạm chỗ có nifty thuật mà trước đây mười hai nam con gái quan tòa đã mang từ ở Âu-châu về — cả cô con gái lẫn quan tòa đều không biết dùng làm gì: họ chẳng ngờ ai dùng để đựng các từ đầu ilom hay tước là thế nhưng quan tòa lại không dùng đến

các thứ đó. Thành ra cái hộp kia hóa ra đúng để chặn giấy; một vật thừa ở trong cái gian phòng không bao giờ có gió lùa đó. Thế nhưng quan tòa vẫn giữ để trên bàn; mọi người ai nấy đều biết nó, mọi người đã từng thấy quan tòa mân mê nghịch nó: chẳng hạn ngài vừa truyền phán mọi điều vừa mở cái nắp có lò-so ra để nhìn nó đóng sập xuống lặng lẽ, đột nhiên, chỉ hơi chạm vào đâu là nó đóng lại liền.

Ngày nay khi tôi nhớ lại cái phiên tòa kia, tôi nhận ra rằng đoạn tiếp câu chuyện kia đáng lẽ ra không mất đến ngàn ấy thì giờ. Ngày nay tôi trông chừng như đáng lẽ không một lúc nào mọi người lại không biết sự thực. Tưởng như bấy giờ tôi còn cảm thấy sự ghê-tởm vô hạn kia, cái ghê-tởm, chung quy, nó thay cho sự thương hại, và nó xâm-chiếm anh khi anh trông thấy một con run bầy nhầy bị sâu vào một chiếc kim: anh thấy lợm độn, mặc dầu không có cách nào khác anh phải mó tay không vào nó và anh tự nhủ: « Này, ta đâm nghiến nó đi. Ta nhồi vào nó. Cho xong chuyện ». Nhưng đó lại không phải là kế-hoạch của Stevens. Số là Stevens có một kế-hoạch và mọi người rồi về sau mới vỡ nhẽ ra rằng vì ông ta không thể bắt kẻ sát nhân chịu nhận tội của hắn được thì phải làm thế nào cho hắn tự tố-cáo ra mặt xong. Như vậy ông ta không đường hoàng; rồi mọi người sẽ bảo ông ta thế. (Chà! ông ta nói — xưa nay việc hình án chẳng vẫn ngoắt ngoéo thế hay sao? Xưa nay việc hình án há chẳng là gồm có — chỉ một nhiều một ít — sự bất công, sự may rủi và sự tâm thương đó sao?)

Dù sao mao đầu người ta vẫn không hiểu ông ta định đi đến chỗ nào khi ông ta lại tiếp lời nói bằng một giọng rành mạch, bằng một giọng kể chuyện, và bây giờ thì tay ông vừa luồn luôn mân mê chiếc hộp bằng đồng. Thường linh là người ta hay bị cảm động vì những mối tiên-sảm! Không phải là những sự vật nguyên-thủy, những sự-tinh nó làm cho ta choáng người; nhưng là sự phát-giác đột ngột ra những sự vật mà đáng lẽ ta phải biết nếu ta đã không khang khang tin ở những cái mà ta đã cho là thật. — Việc đến sau chứng tỏ cho ta như vậy — chỉ một lẽ giản-dị vì ngay lúc đầu ta đã thừa nhận nó. Rồi nên chường-

lý lại nói đến chuyện khói, ông nói rằng một người thực-tình, chỉ biết thưởng thức một thứ thuốc lá cái lúc mà họ bắt đầu nhận ra rằng nó có hại cho họ, ấy thế mà kẻ nào không rút lui quả là không biết đến một trong những lạc-thuế nhất của đời người có tri-giác; biết rằng mình sa ngã vào một tội xấu nó chỉ có hại cho lợi ích mình vào đấy.

— Anh có hút không, Junior? — Ông hỏi.

— Không — Junior đáp.

— Thế anh Virginius, anh cũng không hút, đấy chứ?

— Không, — Virginius đáp — Chúng tôi không ai hút cả, cha tôi, Junior, và tôi nữa. Cũng là thói nhà có nề.

— Một đặc-điểm của gia-đình — Stevens nói. Thế còn anh Dodge, gia-đình anh cũng thế chứ, bên nội, bên ngoại?

Gã anh họ nhà Stevens, không đầy một giây. Hẳn không nhúc nhích thế mà kinh như hẳn ta quát quai trong bộ quần áo rách như số mướp nhưng sạch sẽ.

— Thưa ông không, tôi không hút bao giờ cả.

— Có nhẽ vì anh đi giảng đạo — Stevens nói.

Gã anh họ không giả nhời. Hẳn lại nhìn Stevens với cái vẻ bình tĩnh, bình tĩnh, buồn chán đến thất vọng.

— Tôi thì tôi vẫn hút, — Stevens nói. — Vãn, từ cái năm mười bốn tuổi mà tôi được hình-phục hẳn sau một lần ốm ghim vì cái thói đó đã sinh ra. Thành ra đã từ lâu lắm, lâu đủ để tôi có những thói quen mới lại gạt bỏ cái phẩm vật đó. Nhưng đa số những người nghiện cũng có những lệ riêng mặc dầu các nhà tâm-lý, mặc dầu sự đồng-loại-hóa thuốc lá. Hoặc giả có nhẽ chỉ có thuốc lá là đồng loại thôi. Hoặc giả có nhẽ thuốc chỉ đồng loại hóa cho những kẻ phạm-nhầm, những kẻ không nghiện. Là vì tôi đã nhận thấy rằng những kẻ không nghiện có cái khuynh hướng thế động đến thuốc lá là đâm ra nghi ngờ, thì cũng như chúng tôi khi động đến vật gì mà mình không dùng đến, mà mình không quen, số là con người ta thường đề-cho những thành-kiếm hay những ý kiến sai lạc thường dẫn. Các ngài hãy lấy ngay một người hẳn thuốc lá tuy rằng họ không hút; họ ngấm như g khác hàng của họ lần lượt học gói thuốc, chằm một điếu ở trên quầy lát trước

một họ, Các ngài thử hỏi người đó, xem có phải thuốc lá nào cũng dùng một hơi g vì không, xem họ có thể ngửi mùi mà phân-liệt được các thứ thuốc không. Hay đơn giản họ chỉ nhờ cái hình và cái sắc của gói thuốc mà phân-biệt, là vì chính những nhà tâm-lý em g chưa bảo cho ta biết đích xác rằng thị - quan tập-cùng ở chỗ nào và khứu-quan bắt đầu từ chỗ nào, hay là thính-quan tập-cùng ở chỗ nào và thị-quan bắt đầu từ chỗ nào. Ấy thế mà bất cứ nhà luật sư nào cũng chỉ bảo rõ được cho các ngài điều đó.

Viên chánh ban lại ngắt lời chuồng lý. Mọi người ngồi nghe cũng khá bình tĩnh, nhưng ai nấy tưởng rằng, tôi chắc thế, nếu viên chuồng-lý muốn giữ tên sát-nhân trong sự mập mờ thì đó là việc riêng của ông ta, còn nhu với mọi người ngồi đấy, những viên bồi thẩm, thì không thể thế được.

— Đáng lẽ ông phải mở cuộc điều-tra đó từ trước khi gọi chúng tôi đến đây, — viên chánh ban nói. — Cho dù nhưng lời ông nói là sự thực hiển-nhiên, nhưng có ích gì đâu nếu người ta vẫn chưa bắt được tên sát-nhân? Ông đã phỏng đoán khá nhiều rồi. .?

— Đúng đấy, — Stevens nói, ngài hãy để tôi phỏng đoán thêm một chút nữa và liệu hình như tôi vẫn không cần thêm lên được một bước, ngài cứ nói, tôi xin ngừng lại và xin tuân lệnh ngài. Chắc các ngài lại sắp bắt đầu là lên rằng phỏng đoán đến như thế thì thực là tùy-tiện thái quá. Nhưng, người ta đã thấy quan tòa Dukinfield bị một viên đạn xuyên ở giữa hai mắt, ngồi trên chiếc ghế này, đằng sau chiếc bàn này. Điều đó quả thực không phải là điều phỏng-đoán. Bác John ngồi suốt ngày trên chiếc ghế ở ngoài hành-lang và bất cứ ai vào gian-phòng cũng phải đi qua gần bác ta bỏ bước chân, trừ phi tự phòng tòa án xuống bằng cái cầu thang riêng và trèo qua chiếc cửa sổ. Và, như mọi người đều biết, từ mười năm nay không một ai đi qua trước mặt bác John ngồi ở ghế mà lại không bị bác ta bắt gập. Điều đó quả thực không phải là phỏng đoán.

— Thế thì ông phỏng đoán cái gì?

Nhưng Stevens lại nói đến thuốc lá, đến như người nghiện thuốc.

— Trước lễ trước, tôi có dùng lại của hãng bán West để mua thuốc lá. Bác ta có nói đến một

người có những thói quen nhất định về môn hàng đó. Bác vừa lấy thuốc lá cho tôi vừa chờ cho tôi xem một bao thuốc. Bao thuốc đó đầy bụi và đã vàng ạch ra như đã lâu rồi. Bác nói rằng có một người phường trồng đã để lại cho bác hai gói thuốc, từ trước đã lâu lắm. « Chắc ngài chưa hút thử thuốc này bao giờ? bác ta hỏi. — Chưa — tôi đáp. — Chắc là thuốc ngoài tỉnh. » Thế rồi bác ta kể rằng bác vừa mới bán gói kia, chính ngày hôm đó. Bác nói lúc bấy giờ bác đang đứng đằng sau quầy hàng tay cầm tờ nhật trình giờ ra, cốt là vừa đọc vừa coi hàng trong lúc người làm náo đi ăn. Và bác ta bảo lúc bác chưa ngẩng mặt lên thì thực bác không nhìn thấy người đó: thế mà người đó đứng ngay ở đằng trước quầy hàng, gần sát bác đến nỗi bác rất minh. Một người bé nhỏ, quần áo tỉnh thành, West nói. Y hỏi mua một thứ thuốc mà West chưa nghe nói đến bao giờ. « Tôi không có thứ thuốc đó; West nói; tôi cũng chẳng biết nhãn hiệu đó. — Tại sao? người kia hỏi. Tôi không bán bao giờ », West giả nhời. Và bác nói về người khách hàng kia, y phục ngoài tỉnh, mặt cao nhẵn nhụi như một con búp-bê bằng sáp, và hai mắt nhìn một cách thuần hòa và lời nói có một giọng thuần hòa. Rồi West nói bác ta nhìn vào mắt người kia và lỗ mũi y và bác nhận thấy có cái gì nó làm sao ấy. Y đã hút thuốc say bực. « Ở đây không ai hỏi mua thứ thuốc ấy cả, West nói. — Thế thì tôi biết làm thế nào bây giờ? người kia nói. — Hay là tôi có thể bán cho ông thư giấy bấy ruồi? » Thế là người khách mua gói thuốc kia và ra đi. Và West bảo y là một thằng điên và y thoát nỗi hơi như muốn nở ra vậy. Bác lại nói: « Nếu tôi có một việc ám-muội mà tôi sợ không dám tự rúng tay vào, ngài có biết tôi sẽ làm thế nào không? Tôi cứ việc rúi cho thằng cha kia mười dollars và tôi bảo hắn như thế như thế và tôi dặn hắn không phải kể lại với ai chuyện đó nữa. Ấy khi hắn ở cửa hàng tôi ra, tôi thực có cái cảm-giác như thế đó. Thực thế, tôi tưởng như tôi sắp sửa ốm vậy. »

Stevens đưa mắt nhìn quanh hết mọi người: ông ta ngừng một lúc. Ai nấy chăm chú nhìn ông.

— Cái người tỉnh thành hết thuốc lá riêng kia, tự đầu đến vùng này tôi biết ông rõ, hẳn đi xe, một chiếc xe ô-tô to lớn.

Ông lại ngừng, và thong thả quay đầu nhìn Virginus. Có đến một phút qua và ai nấy trông hai người nhìn soi mói nhau.

— Và một người đã kể với tôi rằng chiếc xe to lớn kia người ta thấy đánh vào lề trong buồng chứa thớt của Virginus, cái đêm trước hôm quan tòa Dukinfield bị ám sát.

Ai nấy lại trông hai người nhìn soi mói nhau mà vẫn không dời nét mặt. Stevens nói bằng một giọng âm trầm, rõ rệt, gần như mơ màng:

— Có một người đã có ý ngăn không cho gã kia đi đến vùng này bằng chiếc ô-tô to lớn đó mà chỉ nhìn thấy một lần cũng đủ để người ta nhớ và nhận ra nó. Có nhẽ người đó đã cấm hẳn không được đi bằng xe ấy, có nhẽ người đó đã muốn đe dọa hẳn. Duy chỉ cái gã mua thuốc lá của bác West là không chịu được người ta hăm dọa mình nhiều.

— Ông muốn nói « cái người đó » là tôi, — Virginus nói.

Hắn không nhúc nhích mà vẫn cứ nhìn chòng chọc vào Stevens. Nhưng Junior nhúc nhích. Hắn quay nhìn anh, một đây. Trong phòng im phăng phắc. Ấy thế mà khi gã anh họ nói, không ai nghe tiếng và hiểu được hẳn ngay; hắn chỉ nói có một lần từ lúc mọi người ở vào gian phòng mà Stevens đã khóa kín cửa. Tiếng hắn nói nhỏ khẽ; lại một lần nữa, tuy không quay mà vẫn tưởng hắn quẩn quại nhẹ dưới quần áo hắn. Hắn nói tiếng khẽ quá của người thất vọng với cái ý muốn nào — ruột lăm tránh đi mà ai cũng biết.

— Cái gã mà ông nói, hẳn đến thăm tôi, — Dodge nói — Hẳn đổ lại đề thăm tôi. Hẳn đến nhà tôi vào lúc chập tối, cái chiều hôm đó. Hẳn bảo tôi rằng hắn muốn thu-thập những ngựa bé nhỏ; ấy đề dùng vào cái... môn chơi... môn chơi...

— Mã-cầu phải không? — Stevens hỏi. — Gã anh họ nói mà không nhìn đến ai cả, hình như hắn nói với hai bàn tay của hắn sẽ rưng trên hai đầu gối.

— Thưa ông phải. Virginus cũng có đấy. Chúng tôi nói chuyện mãi về ngựa. Rồi sáng hôm sau hắn lại lên xe đi ra đi. Tôi không biết chút gì về tình hình hắn cả. Tôi không biết hắn tự đâu đến, cũng không biết hắn đi đâu.

(Xem tiếp trang 21)

— Hay là hẳn tới thăm người nào khác, — Stevens nói. — Hay là hẳn đến làm việc gì khác Anh thì không thể nói được.

Dodge không đáp, Điều đó không cần. Hẳn lại thu mình vào cái (đai-đ) lần tránh của hẳn, như một con thú rừng nhỏ trốn vào trong hang.

— Giờ thì tôi những đoán như thế này, Stevens nói.

Lúc đó đứng ra mọi người phải vỡ lẽ. Người ta có thể hiểu câu chuyện như thế nào, rõ ràng như lật bàn tay. Đứng lẽ người ta phải cảm thấy, phải đoán ra, trong phòng, cái kẻ đã có cái cảm giác mà Stevens gọi là mối kinh-hoàng, sự căng tức, cái ý muốn giận dữ đi ngược lại thời-gian một giây phút để thoát nhượng, để tiêu hủy... Nhưng có lẽ cái kẻ đó vẫn chưa cảm thấy điều trên đây có lẽ hẳn chưa cảm thấy sự biến, bước vấp, cũng như những người bị một viên đạn mà trong một hai giây vẫn chưa cảm thấy gì. Số là bây giờ đến lượt Virginius đột nhiên nói, với một giọng gãi gông:

— Bây giờ ông chứng minh điều đó ra sao?

— Chứng minh gì kia, Virginius? — Stevens hỏi. Hai người lại nhìn nhau lặng lẽ, dữ tợn, như hai người đấu quyền, không phải hai người đấu kiếm, mà là hai người đấu quyền; hay ít ra cũng như những kẻ sắp đánh nhau bằng súng lục.

— Ai là người đã thuê con đười-voi kia, cái gã đi bóp cổ tự Memphis đến kia? Tôi không cần phải bày tỏ điều đó. Gã này đã thủ tội. Trên đường về, hẳn đã đánh ngã một đứa bé ở Battenburg (hẳn hẳn còn say bô vì thuốc, chắc hẳn đã hút thêm một liều nữa sau khi làm xong việc ở đây); người ta đã tóm được hẳn, người ta tống lao hẳn và đến khi lẩn lình ra hẳn đã kẻ tự dân đến, đến thăm ai. Hẳn đã kể hết cho chúng tôi rồi, trong nhà ngục kia, vừa nói vừa đặt mình vừa câu nhàu. Người ta vừa tìm thấy trong người hẳn chiếc súng lục có lồng sẵn « may hăm đồng ».

— À! — Virginius nói. — Thế còn nói gì nữa. Vậy bây giờ ông chỉ còn một việc, là chứng tỏ rằng hẳn đã ở trong gian buồng này cái hôm đó. Mà ông chứng tỏ cách nào? Hay là cho lão canh cổng kia một dollar để lão moi óe ổ nhớ ra?

(Còn nữa)

NHƯ HÀ DỊCH

QUY ĐẠI LÝ VÀ CẦN KIỆP SMI

NGAY THỨ VỀ DANH TRƯỚC

TRAI NGỌC NAM LÀM GÌ ?

Bức thư xin kịp gửi cho anh »

HOÀNG ĐẠO THUY

Sách tại bản Gia

2\$50

Lần in đầu bản hết trong một tháng

CON MỘT IT.

NGÂN NGẠI TÌM TRẦM

Giá 2\$00

THANH TÌNH

VANG BÓNG MỘT THỜI

Giá : 5\$00

NGUYỄN TUÂN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN CỤC
Số 214 — Phố Hàng Bông — Hà Nội

Đã có bản :

THƠ của NGUYỄN ĐỨC CHÍNH
TRÊ THƠ

TARZAN (Người Khỉ) của TỰ CƯỜNG thuật

Hãy đón :

CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG
HÀN MẶC TỬ

— TỪ TRẦN ĐẠI CHIẾN 1914-1918
ĐẾN TRẦN ĐẠI CHIẾN 1939-194...
NHỊNH NGHĨA

NGÀY CŨ ĐỖ XUÂN GIỮNG

THƯ

CHO MỘT THANH-NIÊN ĐỒNG THỜI
NGUYỄN ĐỨC CHÍNH

Đang soạn :

— BA MƯƠI TUỔI NGUYỄN XUÂN HUY

— SẼNH NHÀ NGUYỄN ĐỨC CHÍNH

— TỔNG LUẬN VỀ THƠ ĐỖ XUÂN GIỮNG

Nhà xuất bản : NGƯỜI BỐN PHƯƠNG,

Giám-đọc ĐỖ XUÂN GIỮNG

6, Đường Thành — Hà-nội — Giá bán : 212

Địa vị người đàn bà ở ẤN-ĐỘ

(Theo ý kiến của LYBHA DÉVI, một nhà văn Ấn)

TRONG DƯC

Muốn hiểu cái địa vị hiện thời của người đàn bà ở Ấn-độ người ta phải trước hết chú ý đến ba điều: điều thứ nhất, Ấn-độ là một nước cũ-kỹ có một nền văn-minh tối-vĩ; điều thứ hai, Ấn-độ là một xứ rất rộng, dân cư chia ra thành rất nhiều giai-cấp, theo những tín-ngưỡng và thuộc về những giống người rất khác nhau; sau hết, Ấn-độ đã từ lâu và hiện nay vẫn còn là một xứ thuộc địa dưới quyền thống-trị của ngoại-quốc.

Tóm lại, Ấn-độ chưa phải là một quốc-gia thuần nhất, có những cổ-phong chung về quá khứ, những phong tục tập-quán chung cho hiện-tại và những nguyên-năng chung về tương-lai. Thành ra cái tâm lý của Ấn-độ rất là phức-tạp và những trình-độ về đời sống và về phẩm-hành thực khó mà xác-định. Lẽ tất nhiên người ta cũng khó lòng mà biết tương-lai được cái địa-vị hiện thời của toàn thể phụ-nữ Ấn-độ.

Tuy nhiên, người ta vẫn có thể nhận ra ít nhiều điều rõ rệt nếu người ta quan sát riêng làm phụ-nữ theo Ấn-độ Giáo, cái tôn-giáo có một địa vị rất-thống ở trong nước, nhất là ở vùng phía Bắc, và đã chịu ảnh-hưởng của giống người đầu tiên chính-phục xứ này, giống người Aryen, họ đã đem đến cho dân Ấn-độ ngôn-ngữ và văn-học, mỹ-thuật và tôn-giáo pháp-luật và phong-lục, nghĩa là cả một nền văn-hóa của họ.

Dân-tộc Ấn-độ vốn là một dân lớn-cổ, bị chế-độ giai-cấp ràng buộc, cho nên từ đời thượng-cổ cho đến khi người Anh tới họ không thay đổi gì cả. Duy có cái chế-độ « cấm-amy » (purdah), « hình-hành » nhất ở Bengale, hình như là di-sản của Hồi-giao về sau. Những đấng tính lý-tưởng của người đàn bà cần-thiết cho xã-hội xưa được phổ biến trong những truyện thần-kỳ cổ, và những nhân vật phụ-nữ của hai thiên anh-hùng ca Rāmāyana và Mahābhārata được coi là tiêu biểu cao siêu của phái phụ-nữ, không mầu của tình yêu không và đức hy sinh, sự tiết-nghĩa và lòng trinh bạch, tình kiêu-nhâm và đức bao dung. Những bậc-phàm làm vợ và làm mẹ được

coi là cái lễ sống; cái cửu-cánh của người đàn bà và trong các đức-hạnh, những đức được tán-thưởng và được tôn trọng nhất là những đức hạnh gia-đình.

Xã-hội đòi hỏi làm phụ-nữ như thế thì đã ban ơn cho họ những cái gì? Ngay từ thời đại Vedas, người ta đã nghĩ tới đến những người đàn bà trở nên văn-sĩ, thi-sĩ, danh-ca hay là hiền-triết. Nhưng dần dà rồi đến lúc người ta coi tất cả các thứ học-vấn không, những là vô-ích mà lại nguy hiểm cho phụ-nữ và bại-hoại cho xã-hội (c rõ ràng, ngày nay điều này còn đúng cho số đông). Người đàn bà vẫn là những người canh giữ của gia-đình Ấn-độ, không một lẽ gì nên thay đổi những ý niệm từ xưa hàng được tôn-trọng và thời gian đã chứng nhận giá-trị. Như thế phải đầu là người đàn bà không được hưởng một nền giáo dục nào cả. Cuộc đời há chẳng là trường-học của họ ư, và những lý-thuyết, những cổ-phong thiêng-liêng truyền từ đời này sang đời khác há chẳng là nguồn cảm hứng và sức-mạnh cho họ ư. Sự tuân-thủ hàng bao nhiêu là phép-lễ và điều nghiêm-giới lễ mễ của Ấn-độ Giáo cận-dại và sự thi-hành những nghi lễ này khác, phiên-phức do đời sống đoàn-thể và xã-hội của họ thừa bách, chiếm gần hết thời giờ và tư-tưởng họ về, giáng cho ta thấy những sự tiết kiệm nhiều hay ít mà họ đem lại cho gia-đình. Ngoài ra về y-phục, cách ăn-uống và trình độ sinh hoạt toàn thể xưa kia giản dị nhiều hơn bây giờ. Thêm điều mọi thức vật xưa kia cũng rẻ hơn nhiều. Vì vậy, đúng về phương-diện lý tại thời xưa thực dễ dàng cho họ. Ta cũng nên nhận rằng thuở trước họ ưa những đồ trang sức bền bỉ hơn là những y-phục không bền, thói quen đó có lẽ kém phần thanh nhĩ, nhưng lại đỡ tốn kém bao nhiêu.

Nhưng đến khi người Anh tới cai trị thì mọi sự đều thay đổi về đủ các phương diện: xã-hội, chính-trị, kinh-lý, tinh-thần. Trong cái nhịp thánh tiến chung, dĩ nhiên người đàn bà không thể ở nguyên chỗ cũ được. Nhưng trường phụ-nữ mọc lên như nấm và chỉ trong nửa thế-kỷ, những thiếu nữ đời nghiệp

ở các trường đại học nhiều như nhô rừng. Nhất là ở Bengal, thực là một ai dễ dàng học, thậm nhận một cách hăm hở tất cả cái gì là mới, đến đôi thường là không lúc nào họ ngừng lại để tự hỏi xem rằng hay hay dở.

Người ta coi Bengal như là một hạt di tiên-phong cho tất cả các hạt khác ở Ấn-độ; tất nhiên phụ nữ ở đó cũng là « tiên-tiến » hơn cả. Ở đây cũng như ở mọi nơi, xã-hội chia ra làm nhiều lớp và những lớp dưới có khuynh-hướng theo đối-tập trên. Tổng số những đàn bà thất-học vẫn còn rất nhiều. Nhưng ở những giai-cấp tri-thức và phong-lưu, người ta coi bổn-phận của bậc cha mẹ là phải cho con gái đi ra một cái học văn so-dã, dù rằng chỉ để cho con có thể lấy được người chồng đã hấp thụ giáo-dục tây-phương, dĩn mà các bà mẹ hằng mơ tưởng cho con gái. Nhiều người lại cho rằng cái « học-văn thiếu-mọn » kia đã lôi kéo các thiếu-nữ ra ngoài cái nền nếp sống cũ mà không đưa dẫn họ vào một nền nếp mới. Một phương diện khác của vấn đề tranh luận là tính cách đồng nhất của những chương trình dạy con gái và con trai trong các lớp cao-dẳng. Đến như những người nào còn bó theo phép tắc của giai cấp thì họ phải lấy chồng cho con gái sớm quá, thành ra không thể trong một thời gian ngắn ngủi cho chúng được những nhận thức khá để gọi là học vấn. Nhưng lại có một giai cấp mới mà người ta có thể chia làm hai bộ: một bộ gồm những người theo Zoroastrian, — một thủ Ấn-độ giáo cải-luợng không thờ những ngẫu-tượng, — và một bộ gồm những người du-học ở Âu-châu về. Hai bộ đó thường là ngang nhau và bởi lẽ họ đã từ bỏ nhiều điều nghiêm cấm về tôn-giáo và xã-hội nên họ dễ lợi-dụng hơn những tư-tưởng và những tình-thế mới mẻ. Chính ở những người Ấn-độ tiên-tiến được hấp thụ văn-hóa Anh đó mà người ta phải tìm những triệu chứng của thời đại và những hứa-hẹn cho tương lai. Dĩ-nhiên là ngay bộ họ cũng tiêu biểu cho nhiều trình độ tiến-bộ khác nhau, như thường có ở những buổi giao-thời. Nhưng vẫn có những đặc điểm chung, nhất là cho những gia-đình phong lưu hơn hết trong bộ. Chẳng hạn cái khuynh hướng theo đòi thời thức Anh về sự ăn uống và y-phục, nhà cửa và đồ đạc, tập quán và kiểu sức, trình-độ sinh-hoạt và điều cuối cùng mà không phải là kém phần quan trọng: giáo-dục con cái. Vì lẽ này mà ít nhiều thiếu nữ ở Bengal được dạy dỗ theo lối Anh đến thành ra mất hết quốc-tính; cũng có những người mà cha mẹ chỉ-lý hơn, đã khiến cho họ có thể thấm góp được cái tinh hoa của cả văn-hóa đông-phương và văn-hóa tây-phương; như vậy thì người ta thấy rằng có rất nhiều trình-độ Anh hóa. Dù sao, cái khu-cảnh chung cho tất cả là sự kết-hợp. Tuy nhiên, ở đó cũng lại có nhiên cấp

bộ, từ có con gái 13 đến 19 tuổi là giáo dục được dễ về nhà người chồng mà chưa kịp chọn, có lời người đàn bà, biết suy nghĩ hay không, họ nên chồng hoặc không hoặc có sự thuận-ty của phụ huynh.

Ở mỗi cực-độ lại có hạng phụ-nữ, độc-thần — hiện nay, họ không phải là hiếm lắm — họ đi làm ăn học chuyên tâm vào những việc không phải là việc lễ-gia, hoặc giả vì họ ra thế, hoặc giả vì họ buộc họ phải như vậy. Những nghề-nghiệp chính mà hạng phụ-nữ đó có thể theo đuổi được là nghề dạy học và nghề làm thuốc. Ở đây có một số ít nữ y-sĩ có tài, rất nhiều nữ khản họ — họ không phải toàn thuộc những đẳng cấp cao cả đâu — và những nữ giáo-viên cũng nhiều. Xã-hội Ấn-Độ dần dần rời khỏi quen với những phụ-nữ tự-lập đó, cũng như với những điều dị-thường và những cái mới khác trái hẳn với phong thói cổ truyền và những lý-lường xưa kia. Tuy thế những người đàn bà ấy vẫn không được người ta kính-trọng và được hưởng những sự dễ dàng như ở Âu-châu. Người ta lại không quên rằng văn-học cũng đã mở cửa cho đám phụ-nữ cổ học văn lấy nơi thì-thố nghị-luận và tài-năng; cái nghề này thích-hợp hơn với những quan-niệm cổ-truyền và không nhất luật trái-ngược với đời sống trong gia đình, trung điểm của người đàn bà. Nhiều phụ-nữ ở Bengal đã nổi danh về làm thơ, viết tiểu-thuyết ngắn, tiểu luận và làm nhà xuất bản. Gần đây 1 ghê âm-nhạc cũng đã mất cái tinh cách là một-nghe cho người đàn bà nữa. Tuy nhiên cái thành kiến hủi còn khá mạnh cho nên những đàn bà như nền nếp vẫn chưa dễ khi nhúng vào nghề đó, dù rằng người ở Bengal họ rất ham mê cả vấn đề nhạc lẫn âm nhạc. Đến như hội-họa thì hầu như chưa có người đàn bà nào được liệt danh vào đó cho xứng đáng là một nghệ thuật này ở Ấn-Độ không được phổ-cập bằng âm nhạc. Mỗi gần đây người ta mới lo hồi-phục một trường hội-họa quốc gia. Công việc từ thiện cũng là một địa hạt để thâu nhận những nhu cầu hoạt động một phát-triển ở đám phụ-nữ Ấn-Độ; họ trở thành những nhiệm-vụ của gia đình, hoặc thiết-lập những nhà cứu tế cho đàn bà góa, những trường từ thiện cho con gái, v.v. Ở xã-hội Ấn-Độ chỉ riêng những đàn bà góa dễ thành ra cả một vấn-đề vì rằng ở đây những cuộc lão hôn và cuống hôn rất nhiều đưa tới sự góa bụa bỏ bệch và quá sớm đi đối với những sự thiếu-thiếu và những nỗi đau khổ; dĩn phải giải-quyết làm thế nào cho những người đàn bà góa thường là trẻ tuổi và không son, có thể lợi dụng đời sống cô-độc là bị hủy-hoại của họ. Cũng như nhiều tục lệ lương-tự, cái chính sách xưa kia khi họ thành gia-đình (hai hay ba người đứng tuổi của một gia đình, kể ra tiền hay không, cùng ăn và sống với nhau) bây giờ đã hóa ra trần-hải, thành ra người đàn bà góa thường bị bỏ cho bơ, độc-lực

Xem tiếp trang 271

NHỮNG BƯỚC ĐI NGANG

(Tiếp theo)

Hôm sau, Khôi đi từ sáng sớm Con đường không xa, nhưng cũng mỗi gần trưa mới tới tỉnh lỵ. Bước xuống xe khỏi đã tí xíu mệt, uể oải, vì nổi phát dưng chồn chân đợi chuyến ô-tô, và chân chườm trong xe với một bọn dân quê quỳ gối đón chờ. Không có vẻ gì một cuộc đi chơi giải trí, như bà chủ nhà đã tưởng. Trời ơi! Lúc ngay từ sáng, người chỉ mới mới thêm.

Chàng đi gửi tập bản thảo. Cuốn giấy đưa qua chiếc cửa sổ mở. Thế là hết: đồ dự: chàng thấy đã làm một việc, quyết liệt, như là bỏ việc làm, lúc bỏ nhỏ.

Ra khỏi nhà bưu điện, Khôi không biết làm gì cho hết chỗ thời giờ còn lại. Chàng đến đây chỉ cốt gửi tập bản thảo. Công việc đã xong, mà mới hết buổi sáng. Muốn về ngay cũng không có chuyến xe nào. Và lại, chàng đã nói chiều về, bà chủ nhà lại còn muốn đi lâu hơn nữa!

Không còn việc gì hơn là lại lang thang các phố. Nhưng quang cảnh một tỉnh lỵ cũng không có gì vui cho người đã quen với vẻ bề bộn nơi đô hội. Phố xá, nhà cửa đều có vẻ nhỏ nhặt, lều tều, tám người đi chơi có cảm giác thấy cuộc đời bị thu hẹp lại. Cả đến nhân vật cũng có vẻ tầm thường. Ngoài phố ít màu sắc tươi vui những thân hình hoặc đang đi nhịp nhàng, uyển chuyển. Đây là địa phận của sự làm ăn bé nhỏ, mờ của hàng tạp hóa và các công chức, mỗi khi hết giờ làm, thì quay ngay về những căn nhà nhỏ bé. Ở đây không có cái thú nhàn tản ngoài đường. Khôi đứng trước một hiệu ảnh. Trong tủ kính có bày mấy bức hình thiếu nữ; chắc đây là những người có nhan sắc trong thành phố. Khôi đứng nhìn, nghĩ đến những cô gái ngoan ngoãn ngồi trong cửa hàng. Cũng có những bức ảnh đầy vẻ lãng mạn. Phía sau hình người ngồi theo điệu bộ một tài tử chiều bóng au tây, là một cái phông vẽ đủ núi non, hoa cỏ. Người ngồi đó có lẽ đã có một ý nghĩ lãng mạn trong đầu, với bờ ngực người thợ ảnh ghi lên trên giấy để rồi mọi sông cái cuộc đời phẳng lặng hàng ngày.

Về quá trưa, trời càng oi bức. Trời tiếng dục như một chiếc quạt dè loi lẻo trong ngực, sôi. Khôi vào một tiệm ăn. Cái quạt máy để bàn không được mát, tiếng lên và

về lại càng kích thích thần kinh. Chàng ăn uống qua loa, rồi lại ra ngoài phố.

Những người bạn rỗi, thường phàn nàn không có thời giờ, không hiểu cái khổ của những người nhiều thời giờ mà không biết làm gì. Khôi đã phải đi lại những dãy phố đã đi qua, chàng lại không quen ai, không có người bạn nào để có thể đến nhà họ nằm dài, nghỉ ngơi, đợi chiều mát, sẽ tổ chức một cuộc hành lạc gì. Món tiền lương dạy học vẫn nằm trong túi, đang đợi tiêu. Sống khắc khổ trong bấy nhiêu lâu, một cuộc giải phóng hình骸 trong lúc công việc đã tạm yên, cũng không phải là quá. Có khi lại là cần để tan bớt những nỗi khổ khổ, uất trong lòng nói nôm, là để giải trí, một điều cần cho người làm việc nhiều, nhất là lại làm việc lãng trí nào.

Khôi không quen ai ở đây. Đến lúc cần một người bạn hàng mới thấy quả giao cũng có lúc thiệt thòi. Một người, bạn chỉ có cái đức uống nhiều, hát khỏe, chỉ đẹp khi ở bên mâm rượu, khay đèn nhiều khi cũng đáng quý như người bạn uống trà. Cả họ, mới gây lên nổi một cuộc vui. Ở Hà-nội, đã có lần chàng dự những cuộc hành lạc, mà nếu không có họ, sẽ buồn như ở trong đám hiếu. Khôi cố nhớ lại những bộ mặt quen, những bạn học cũ, nhưng vẫn không thấy ai. Thực ra, dù có người quen sơ sài ở đây, chàng cũng không thể biết. Vì chàng không hay thư từ, giao dịch với ai.

« Chỉ có đi về là hơn cả ». Khôi theo ngay ý nghĩ, đi ra phía ngoài tỉnh. Chàng ngừng lại, nhìn mấy dụng cụ pha trà, cả pha mà kẹp bóng loáng ở một cửa hàng, rồi lại đi. Bấy giờ, chàng không còn thấy cần mua, vì nay mai đã rời bỏ nơi này.

Không có chuyến xe nào lúc ấy, một chiếc ô-tô sọc sọc chạy về phủ huyện quanh đây; giờ chạy rất thất thường, còn đợi cho đủ khách, vài chiếc xe tay, bành học bằng lớp xe hơi cũ hủ sẽ chờ đợi lâu người ngồi trên đường đất gồ ghề. Đi xe tay hay đợi xe hơi; đều là chuyện bực mình. Đường không xa, và thấy chân còn khoẻ, Khôi cũng thỉnh đi bộ.

Ra khỏi tỉnh được vài cây số, hai chân bắt đầu thấy mỏi, thêm một cảm giác khó chịu ở dạ dày, cái khó chịu thường thấy mỗi lúc ăn xong mà hơi thâm ướt áo sơ mi.

Việc quốc tế

TỪ 3 ĐẾN 10 JUIN

Mặt trận Á-Đông

Ở Ấn-Độ — Diên-Điền. Chung quanh Imphal quân Anh vẫn phản-công kịch-liệt vào Kohnima, Buribazar, nhưng đều thất-bại. Tại Bắc Diên-Điền quân đội Nhật làm thiệt-hại nhiều các đội quân Hoa Mỹ ở miền Myitkina và ở phía Tây sông Salouen.

Trên Thái-Bình-Dương, quân Nhật vẫn tiếp tục tiêu-trừ địch-quan đổ-bộ xuống đảo Biak và cửa sông For ở miền Tây Nouvelle Guinée. Tại Bắc-Thái-Bình-Dương phi-cơ Đông-Minh lại tấn công xuống đảo Macassar nhưng bị đánh lui.

Mặt trận Ý

Sau khi chiếm được Velletri, Valmontone và dãy núi Albains, quân Mỹ đã vào được kinh thành Rome ngày 4 Jun. Từ đó họ vượt qua sông Tiber tiến rất nhanh lên phía Bắc và mới đây đã chiếm được tỉnh Civita — về phía các Tây-Bắc Rome, 50 cây số.

Có tin Ý-hoàng Victor Emmanuel đã ký giấy thoái-vị và nhường ngôi cho con là thái-tử Umberto. Thông-chế Ba leghio hiện đã trú Roma. Hình như nội các Badoglio rồi cũng sẽ từ chức và ông Orlando, đại biểu của Ý đã ký hòa-rớc Versailles ở trận đại-chiến 1914-1918, sẽ dự vào nội-các mới.

Mặt trận Nga-Lỗ

Knap nơi đèo you lại giữ trờ khu Tây-Bắc Jassy, Hồng-quân lại tấn-công. Có nhẽ đã đến lúc Nga khởi cuộc tấn công mùa hạ để an-nhập với cuộc đổ-bộ ở Tây Âu đã bắt đầu.

Mặt trận Tây Âu

Bắt đầu từ 6 giờ 30 sáng hôm 6 Jun, nghĩa là hai hôm sau ngày kinh thành Rome thất thủ, giữa mùa và sương mù quân đội Đồng-minh đã bắt đầu xâm lăng vào Tây-Âu. Dựa đường bằng những trận

ném bom dữ-dội xuống Bắc-Pháp, nhất là xuống tỉnh Rouen, và xuống các pháo đài trên bờ biển, cuộc xâm lăng đã hành do hai mặt: một mặt do đường thủy, quân Đồng-minh dưới quyền chỉ huy của tướng Mỹ Eisenhower và bằng hàng 4000 chiến hạm lớn với mấy mươi ngàn tàu nhỏ, đổ bộ lên miền duyên hải Normandie khắp một dải từ Le Havre, ở cửa sông Seine, tới mồm la Hague ở Tây Bắc bán đảo Cotentin; một mặt do trên không hàng 11.000 phi cơ, trong số đó có rất nhiều máy bay không động cơ, cho quân nhảy dù hạ xuống sau lưng quân Đức vào các trường bay và những yếu điểm trên các đường giao thông.

Kết quả đến nay, mặc dầu sức kháng-chiến mãnh-liệt của quân Đức, trừ mấy nơi như Boulogne, le Havre, Rouen ở đó cuộc đổ-bộ bằng quan máy du không đã, cơ hàng 18 sư-đoàn quân Đồng-minh đã đổ bộ được xuống hai vùng ở vùng như nhất, từ sông Orne tới sông Vire; quân Anh Mỹ đã tập được một đầu cầu dài tới một 50 cây số, chiếm được tỉnh Bayeux, và hiện đang giao chiến kịch-liệt với quân Đức trong tỉnh Caen; vùng thứ hai, ở bán đảo Cotentin, quân Đồng-Minh hạ xuống Carentan Isigny đang đánh lên bờ bãi phía Bắc nhằm Cherbourg, một hải cảng lớn của Pháp. Mới đây lại có tin viện-binh Anh Mỹ do phi cơ hỗ-tiêm xuống các tỉnh Falaise và Argentan ở hữu ngạn sông Orne cách bờ biển 40 và 60 cây số; đồng thời máy bay Đồng-minh ném bom kịch-liệt xuống các bến Saint Briec, Lorient, Nantes trên bờ biển Đại-Tây-Dương.

Đ. Đ. Đ.

Ô-TÔ NHÀ LẦU
CÁI MỘNG ĐÓ
SẼ THÀNH SỰ THỰC
NẾU CÁC NGÀI BỎ 1 \$ 00
MUA VÉ SỐ ĐÔNG-PHÁP

Khởi dậy ngồi, vắt khăn vắt tay, rồi đi dạo bước Con đường thăm thẳm, không có một bóng cây một sỏi lâu bên cạnh. Cây cỏ hai bên đường lâu im phăng phắc, không có một hơi gió phe phẩy đầu ngọn lúa. Khi lau mồ hôi trên trán chảy thành giọt xuống mặt, số chúng với cái mặt mỗi lúc một tăng.

Khởi lảo đảo được quá nửa đường, thì bỗng nhiên trời đổi khác. Một cơn gió thổi nổi lên, làn tan khi nóng, rồi mỗi lúc một tăng, thành từng cơn lồm tồm bụi đất trên đường và rập rờn ngọn lúa. Trong khoảnh khắc, cảnh trời đổi hẳn. Theo cơn gió, một đường mây đen tự chân trời dồn lên, mạnh mẽ như một làn sóng xô vào bờ cát. Làn mây đen che cả bầu trời, những tiếng sấm bắt đầu nổi, tiếp với những đường lượn ngang nghèo làm chói mắt. Người làm đồng vội chạy về, tránh một cơn giông lớn. Khởi nhìn chung quanh: Không một túp lều, một cái quán khá dễ trú chân. Gió đã mang theo hơi nước lạnh, trước mặt một đường sấm thẳm báo hiệu một trận mưa trên sắp tới nơi. Khởi quẩn mặt mũi, đi rất mau, gần như chạy. Đó chỉ là một cử chỉ quen thuộc trong lúc biến, chàng đã biết là không tránh nổi cơn mưa, đã đành lòng chịu ướt.

Hạt mưa bắt đầu rơi xuống, những giọt nước lớn, bao lần còn thừa, vẽ những hình vệt trên mặt đường. Đất đã bùn nung nấu gặp nước mưa, tiết ra một hơi nóng và ẩm. Khởi kéo thấp chiếc mũ về phía mặt, mặc áo, cài chặt khuy, kéo cao cổ cho nước khỏi thấm vào người. Nhưng chỉ được mấy phút đầu, mưa mau hơn, chung quanh chàng thành một bức màn nước, che kín mọi vật. Nước mưa làm dìm chiếc mũ, vẽ vào mặt, vào mắt, dấn quần áo vào da thịt. Suốt người không còn một chỗ khô. Bước đi bây giờ là ở trong những vũng bùn lầy, phải đề ý mới không trượt ngã. Dần dần, nước ngấm vào người, anh chàng thấy lạnh, bắt đầu từ xương sống. Chàng ngậm chặt miệng cho hàm khỏi rung, tuy vậy, cả người vẫn run rẩy, bước đi không còn được vững vàng. Khởi có cảm giác là nếu ngã xuống đường, thì sẽ không còn sức đứng lên.

XIV

Mắm cháo sáng đói đã lâu. Trong mắm đã sẵn bát không và mấy quả trứng gà, là chủ bảo con ở:

«Mày cứ để nồi cháo trên bếp cho nóng. Lúc nào cậu giáo dậy hãy mang lên»

«Đứa con đang ăn bên cạnh, bảo mẹ:

«Sao hôm nay cậu giáo ngủ trưa thế hở mẹ? Đã chín giờ rồi, còn vào đánh thức nhé?»

Bà mẹ nghe con:

«Đề im cho cậu giáo ngủ. Hôm nay chủ nhật, nghỉ học, đánh thức cậu làm gì. Vả lại hôm qua cậu giáo bị nước mưa, chắc mệt»

Đứa bé thấy cậu giáo ngủ trưa là một chuyện khác thường. Xưa nay, Khởi vẫn quen dậy sớm, bỏ cả những ngày nghỉ. Tuy mẹ đã cấm, thói quen đã quá, đứa bé lại

đến nhà trên cửa buồng. Chỗ mẹ vẫn bước, bên trong không một tiếng động. Đứa bé lại ra nhà mẹ:

«Trưa rồi, mẹ đánh thức cậu giáo nhé?»

Người mẹ tại nhà con. Bà chưa Khởi mặt, cần được năm yên nghỉ. Hôm qua, đang lúc mưa to gió lớn hi Khởi về, mặt cắt không còn hạt mưa, quần áo sưng nước mưa, người run như con giẻ. Thấy trong quần áo, chàng ướt sũng mấy chín trà nóng, rồi vội đi tắm, bỏ cả bữa cơm chiều. Bà chưa sáng nay chàng đi, nên đã bảo sắp sẵn cháo với trứng gà muốn chàng yên nam yên, bà đã cấm hai đứa con đừng bước, sợ chúng làm ồn.

Bữa mười giờ, cậu giáo cũng vẫn chưa dậy. Đứa bé lại nhắc mẹ. Lần này, người mẹ trả lời:

«Ừ. Hay con vào đánh thức cậu giáo một cậu, dậy, soi cháo».

Đứa bé vào buồng một lát, rồi quay ra. Người mẹ cười hỏi:

«Con đánh thức chưa?»

Đứa bé có vẻ ngơ ngác:

«Con đánh thức rồi, nhưng cậu giáo không dậy. Cậu giáo làm sao kỳ»

Về ngơ ngác của đứa bé càng thấy đáng yêu, người mẹ mỉm cười:

«Cậu giáo làm sao? Tại con không biết gọi tên cậu không dậy chứ gì?»

«Con gọi mãi, gọi mãi mà không thấy cậu giáo nổi gì, người cậu nóng lắm»

Người mẹ giắt mình:

«Thế à? Để mẹ xem»

Bà vào buồng, đưa con lại đi theo. Vừa mở cửa màn, đã thấy hơi nóng bay ra khỏi năm eo quắp dưới lằn chăn mỏng, đập đến cổ, thật chàng đi ngủ, mắt nhắm nghiền. Bà sẽ gọi:

«Cậu giáo à?»

Không thấy trả lời. Bà gọi to hơn:

«Cậu giáo?»

Khởi vẫn im. Bà đặt tay vào chân chàng, tuyết nóng bùng. Khởi đang trong cơn sốt mê man không biết có người ở bên. Người đàn bà cố về sợ hãi, khép cửa màn, quay ra bảo con:

«Thôi con đi ra để cậu giáo nằm. Đừng đưa cháo vào buồng, không nghe mẹ đánh thức».

Bà gọi người lão bộc:

«Ông mang thêm cái chăn bông vào giường cậu giáo, và đi mời cho tôi ông lang».

Người bộc như không hiểu, Bà nói thêm:

«Cớ chừng cậu giáo hôm qua bị nước mưa nên phải cam. Mời ông lang đến xem ra sao, ông sắp sẵn những thứ sắc thuốc, và quan họ quán trên này xem có cần gì không».

Bà thở dài, tầm nhăm:

«Thật rồi rồi».

Bà đã lời phản nản cho Khởi. Hi đầu yếu

(Con nhà)

-ĐỒ ĐỐC THU

Quy-luật su' học và xã hội học

(Tiếp theo trang 6),

được, nhưng nghĩa là theo phương hướng thuận tiện cho sự phát triển của xã hội). — Ví dụ: về hội thế-kỷ thứ XVIII, lúc giai tầng thị-dân ở Pháp đã nhận thấy sự đồ, mất tự nhiên của chế độ phong kiến, lúc bọn thị dân đó đã có ý-thức rõ rệt của lực lượng giai tầng của họ, thì tự khác họ đã đem lực lượng của đoàn thể na dề cả cách mạng chế độ bất hợp lý còn đang ngăn trở sự phát triển của một giai-tầng xã-hội rộng rãi hơn giai tầng phong kiến.

Và trong lúc bắt tay vào công cuộc cải cách đó, thì sự kinh nghiệm lại cũng có thể cung cấp cho loài người những quy-luật về công cuộc thực hành. Rồi cứ thế mãi, trên những hiện tượng mới, trong xã hội mới đã thành lập đó, người ta lại nhận thấy những quy-luật mới khác hẳn những quy-luật trước kia vẫn chi phối loài người. Điều kiện tiến hóa của loài người là ở đây. Trong thiên Ung-Dạ, (Luận-ngữ, - VI) Khổng-tử nói: « Tề nhất biến chi u Lỗ, Lỗ nhất biến chi u đạo ».

— Nước Tề, sau một cuộc thay đổi sẽ đi đến trình độ nước Lỗ; nước Lỗ, sau lúc đã thay đổi, mới đi đến cõi Đạo. — Câu danh ngôn đó chỉ có thể hiểu theo ý nghĩa cần thiết, và ảnh hưởng tốt của sự cải cách: một xã hội thế nào cũng phải biến hóa mới có thể cải thiện được. Ví dụ như ngày nay, một nước nào trên địa cầu đã gây dựng được một xã hội mới, thì bao nhiêu quy-luật về chính trị, kinh tế, đạo đức, văn hóa, cũng phải khác với những quy-luật xưa nay vẫn chi phối những xã hội cổ hủ. Nhưng một điều chắc là, những quy-luật mới đó cũng chỉ bởi ý muốn của loài người đã phê bình, so sánh, trừ tính, và hành động để đi tới mục đích cải-tạo. Quy-luật xã hội có thể do sự vận động của người ta thủ tiêu cải biến và sáng tạo, trong những điều kiện lịch-sử. Một nhà khoa học cũng có thể theo phương pháp hóa-học, vật lý học, hay sinh lý học, để thay đổi sự quan hệ giữa vật thể thiên nhiên, và gây nên những hiện tượng mới, như những vật thể mới, những produits synthétiques trong hóa học, những

biến thể của các giống động thực vật v. v.... Tuy vậy, đây cũng chỉ là lợi dụng những quy-luật cơ bản về tính chất của các vật thể cổ từ trước mà thôi. Dầu quy-luật mới có thể nảy nở ra, một ngày một nhiều, thì những nguyên tắc cơ bản vẫn không hề bị thủ tiêu, hay biến tấu hẳn.

Một mặt nữa, sự biến động của các hiện tượng xã hội lại có tính cách bức cấp, phức tạp. Quy-luật xã hội vẫn có thể tự biến hóa, tự thay đổi theo sự thay đổi của hiện tượng. Renan đã ví loài người với giống vật kỳ quái ngày đêm chỉ đem nửa đầu mà ăn nửa dưới để mà sinh tồn. Trong lĩnh vực thiên nhiên vật thể cũng luôn luôn vận động và biến hóa. Tuy vậy, tự thân nó, hiện tượng thiên nhiên, và quy-luật thiên nhiên chỉ biến đổi rất là chậm chạp. Bởi vậy nhìn qua loa thì những quy-luật về sự tiến hóa của sinh vật, về sức chịu đựng, hướng dẫn của vũ trụ có thể nói là xưa nay vẫn y nguyên như vậy. Vẫn biết rằng: mỗi một lúc mà trong vũ trụ xảy ra một sự biến động lớn lao thì điều kiện tự nhiên sẽ biến hóa, và quy-luật cũng phải thay đổi, ví dụ như trước lúc qua địa cầu chưa trải qua những sự biến động vào khoảng thời thứ ba (Ère tertiaire) qua thời kỳ thứ tư (Ère quaternaire), thì những quy-luật về địa hình, về khí thế, về sinh vật học, dĩ nhiên cũng khác hẳn với những quy-luật ngày nay. — Nhưng hoàn cảnh thiên nhiên vẫn chỉ biến đổi hết sức chậm chạp, trên đường biến động thường xuyên. Còn trong xã hội loài người, thì từ lúc « có những người và những người có tư tưởng... » cho đến nay, loài người đã từ xã hội nguyên thủy đi đến xã hội nô-lệ, xã hội phong kiến, xã hội tư bản, và đã bắt đầu bước vào thời kỳ xã hội chủ nghĩa v. v.... Không những là mỗi một xã hội đều có những quy-luật riêng, mà chính trong mỗi một giai đoạn của mỗi một xã hội, cũng có những pháp-tắc đặc biệt. Tức như quốc gia chủ nghĩa là một hình-thái ý-thức sản xuất trong tư bản chủ nghĩa. Nhưng trong thời kỳ đầu thì quốc gia chủ nghĩa là một khẩu hiệu giải phóng cho giai tầng tư sản trong các nước, và sau đó, cho cả các dân

DIA VI NGU'O'I DAN BA O' AN-DO

(Tiếp theo trang 23)

Ngài ra ở Ấn-Độ bắt cứ dân ông, đàn bà, trẻ con đều không nhiều thì ít bị dẫm đạp do cái tình-thần đua nhau đòi lấy tự lập no lẫn mắc trong không khí. Mỗi ngày người ta thấy bát dầm lòng tin-nhiệm vào bất cứ một quyền-lực nào ; ai cũng cố sức tư tưởng lấy một mình, tự kiểm ăn lấy, sống cuộc đời riêng, theo cách thức riêng, không để bị câu thúc do một công lệ nào mà họ cho là vô ích và không có giá trị. Điều đó đúng cho cả dân bà. Tiếng gọi của người « Dân bà mới » ở Âu-châu vang sang tới chị em ở Ấn-Độ mà tuy nó cũng yếu đi một chút vì sự cách trở về thời gian và không gian, vì những trường-hợp bất-đồng, nhưng nó không dịu đi được nếu người ta còn chưa tìm ra một lời đáp chính đáng cho những sợ-vọng và những điều bất-bình do nền giáo-dục Âu-Ây thực-tính. Cho nên bon-phận của những ai biết như xưa và rõ là phải dân con thuyền cho tới bên giữ những nước động ao tu một bên, bên kia là những ông trào non-lợn.

Từ năm 1905 giờ về đây, nghĩa là từ cái ngày mà nền thống nhất của xứ Bengale bị uy hiếp, là bắt đầu một giai đoạn mới có thể tóm tắt bằng một tiếng : Chấn-trị. Bấy giờ cái chân giò học vấn của phụ-nữ Ấn-Độ đã lùi xa hơn, nhưng quyền-lợi và sự hoạt-dộng của họ tăng tiến lên mau chóng đã thay đổi sự tình. Lan song trên qua khắp nơi đã lôi cuốn cả đám phụ nữ cũng như đám nam tử vào một trận quay cuồng. Dân bà Ấn-Độ quang báo tất cả những tập quán nghi lễ xưa về sự e lệ và cấm kỵ, đứng lên đứng sát anh em đàn ông trong các trường-dầu lấy tự-do với nhiệt-tâm và kiên-chi. Các vận-dụng mới sự bất-hợp-tác cái là một hình thức không bạo-dộng của phản-trào kia, và như thế nó thích-hợp hơn với đại-dân số phụ-nữ đã sẵn sàng

tộc bị áp bức ở Âu; nhưng đều một giai đoạn cuối cùng của tư bản chủ nghĩa, nó đã biến tướng thành một chính sách có những ý nghĩa xâm lược, khác hẳn với mấy thời kỳ trước. Nội tâm lại sự biến hóa tự thân của quy-luật và hiện tượng xã hội vẫn nhanh chóng hơn sự biến hóa của quy-luật thiên nhiên. Lý do hẳn là vì nôi sinh (inertie) và phân lượng to tát, mệnh mệnh của vật giới;

(còn nữa)

THANH TUYÊN

rất nhiều vào hàng ngũ d-rời ngọn cờ tranh đấu. Cho dù về sau kết quả không được vẻ-vang lắm, cái guồng quay sợi và thoi vùi thò d-í l-ĩ ở nhà, gọi là kaddar, cũng đã chinh-phục được bao nhiêu gia-đình và bao nhiêu con tim, hy sinh cho sự tồn tại giản-dị kia do nhu l-ĩ tự An-D-ộ Mahatma Gandhi khuyến-d-ư.

Người ta cũng đã tranh đấu để cho quyền bầu cử của phụ-nữ được thừa nhận và người ta đã thắng một cách trọn vẹn như để da ngà hơn ở Ấn-độ.

Vì cuộc tiến-hoa trên đây ngời ta đã thấy rằng
ra một lớp hay còn ít nhưng phục-ưu quấy nhiễu về
chính-trị; họ đi vào những cuộc nội-tiến, những
bão-lôi trong về chính trị của các xứ. họ dạy
diện dân và giữ cả một nước, không hay có
sự bảo vệ của dân cũng như quân đội. một người
dân và có danh (bà Nương) và được đề cử làm
nghị-trương Hội nghị Quốc gia Ấn Độ, cái danh đó
cao nhất mà dân nước ban cho những kẻ lộn-lộn
phụng-sự.

Như vậy là thấy rằng hầu hết những chức-nghiep mỗi gần đây mở cửa cho phụ-nữ Á-đô hầu cung cấp dần n-ữ ít nhiều cho phụ-nữ Á-đô tùy rang phương-tục và t-ạ, quan, gia-nh- và t-đ-đ-đ, và phương và giáo dục của người đ-đ và phương đ-đ và phương đ-đ từ trước đến bây giờ vẫn còn khác nhau rất nhiều.

Nhưng ở Tây phương giáo dục và sự dễ dàng về giao-thông là những nguyên nhân khiến cho gia đình gần gũi cái cũ-chỉ đủ chôn vùi là rơi vào rừng rậm mới vào nhưng lại đã có kỹ thuật và đồ vật hiện đại, mà sự chiếm chấp đã quá đỗi quặng chặt, và cuối cùng ra khỏi cơn mê mộng hoang tàn khắp các quốc gia khác trở hơn trên con đường tiến bộ.

THỌNG DỨC

QUOC - HOC GIU - XA

MỘT PHÁT HÀNH:

Lịch sử báo chí.. .. 2100

Nghê-thuat va Dãnn-giao .. 245

Luộc-luận về phụ-nữ Việt-Nam

Việt-Hoa thông sử sự lược .. 5d00

SAP PORT NAME :

Luận lý Du-thuyết yếu thuật

Triết học tập 10

Thư, Mandat gửi cho : O. LE VAN HÒE

== 16 bis Lien Tsu - Hanoi ==

BAO THANH NGHỆ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA
DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH.

Trong số 24 Juin 1944

- | | |
|--|---------------------|
| — Địa vị những nước nhỏ trong cuộc chiến tranh này | PHAN ANH |
| — Kế luận về cuộc tiến hóa của nền tư bản Âu-Tây | VŨ VĂN HIỀN |
| — Quyền khảo thí trong Hiến-pháp Trung-hoa | PHAN ANH |
| — Xã-nội Việt-nam từ thế-kỷ thứ XVII. | NG. TRỌNG PHẤN dịch |
| — Kết luận về La-sơn phu-tử | HOÀNG XUÂN HÂN |
| — Giặc Phan bá Vành | NGUYỄN THIỆU LÂU |
| — Bạn đọc viết: Giáo dục âm nhạc | VĂN HOA |
| — Khỏi thuốc lá (Tiếp theo và hết) | NHU HÀ dịch |
| — Những bước đi ngang | ĐỖ ĐỨC THU |

TỦ SÁCH «TÂN VĂN HÓA» - HÀN-THUYỀN PHÁT HÀNH -

25-6-44 SẼ CÓ BÁN:

VĂN HỌC KHAI LUẬN

Soạn giả: **ĐẶNG THÁI MAI**

Văn học là gì? Các nhà văn sáng tác phải theo những nguyên tắc gì? Nhà văn có quan hệ với xã hội ra sao? Nhiệm vụ của nhà văn là gì? Nhà văn có được quyền sống tự do, viết tự do không? Văn chương có phải giữ cốt lĩnh quốc gia không? Những thuộc tính của một văn phẩm kiệt tác là những gì?

ĐÃ CÓ BÁN:

XÃ HỘI VIỆT NAM

của **LƯƠNG ĐỨC THIẾP**

Dày hơn 400 trang, Giá 8\$50

Hàn thuyên

- 71, Tiên-tsin — HANOI -

ĐÃ CÓ BÁN:

THẦY «LANG»

Phóng sự dài của **TRỌNG LANG**

Trích lời giới thiệu của VŨ NGỌC PHAN:

Trong lúc các nhà y-học nước ta muốn chấn hưng nghề thuốc của Đông-phương, thiên phóng-sự «Thầy lang» ra đời thật rất hợp. Chúng tôi chắc không những các nhà y-học, mà ai ai cũng phải hoan nghênh, vì nó còn là một bài cảnh cáo cho các con bệnh biết mà coi chừng nữa.

Bản thường: 4\$00 Bản quý: 28\$00

Cuối Juillet 1944 sẽ có bán:

KUÂN VÀ SINH

của **THANH TỊNH**

HAI GIÒNG SỮA

của **NGUYỄN HỒNG**

Nhà xuất bản HÀN-MẶC

Thư từ vàng án-phieu xin gửi về:

Ô. NGUYỄN NHƯ TÍCH

Số 26, phố Hàng Quạt — Hanoi

AUTORISÉ PAR ARRÊTÉ DU GOUVERNEUR GÉNÉRAL DU 1^{er} MAI 1939 N° 3089

Distributeur général: **VŨ BÌNH MỘC**